



CÔNG TY CỔ PHẦN
ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN | **2018**



ỔNG THÉP VIỆT ĐỨC

01 THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT VG PIPE

02 THÔNG TIN CHUNG VỀ VG PIPE

03 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

04 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

05 BÁO CÁO CỦA HĐQT

06 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông điệp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị!

Diễn biến nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là vào nửa cuối năm 2018 trở nên kém thuận lợi hơn khi tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến chững lại, đầu tư và thương mại toàn cầu giảm xuống, các điều kiện huy động vốn bị thắt chặt hơn và đặc biệt diễn biến phức tạp trong chính sách thương mại Mỹ - Trung và các chính sách bảo hộ thương mại ngày càng gia tăng.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn chung, năm 2018 Công ty tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng. Doanh thu Công ty năm 2018 tăng 15,6% đạt 6.947 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 52,6 tỷ đồng đạt 65,7% so kế hoạch đề ra.

Năm 2019 vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, để phát triển bền vững và thành công Thép Việt Đức luôn xác định Chất lượng hệ thống, chất lượng sản phẩm làm nòng cốt; tập trung phát triển hệ thống khách hàng và phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam mang thương hiệu Thép Việt Đức.

Chính từ các nguyên nhân đã ở trên dẫn đến Lợi nhuận năm 2018 của Công ty đã không hoàn thành theo Kế hoạch đã đề ra. Việc này, không riêng Thép Việt Đức bị ảnh hưởng mà hầu hết các doanh nghiệp trong ngành thép của Việt Nam đều nằm trong tình trạng này thậm chí còn thâm hụt vào vốn kinh doanh của Công ty.

Thép Việt Đức cũng luôn thấu hiểu rằng, để thành công và Phát triển như ngày hôm nay ngoài sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, CBCNV trong Thép Việt Đức thì một yếu tố vô cùng quan trọng đó là sự gắn bó, hợp tác của các cổ đông, các đối tác, khách hàng là nguồn cổ vũ lớn lao, là niềm tin để Thép Việt Đức phát triển.

Thay mặt HĐQT; Ban Tổng Giám đốc Công ty, xin gửi lời cảm ơn sự hợp tác của các quý cổ đông; các đối tác khách hàng trong suốt nhiều năm qua. Hy vọng rằng trong thời gian tới Thép Việt Đức tiếp tục nhận được sự hợp tác hơn nữa các quý vị và các bạn.

Trân trọng cảm ơn .

Chủ tịch HĐQT







Phần 1

THÔNG TIN CHUNG



TRỤ SỞ CHÍNH

-  KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
-  (+84) 211.3 887 863
-  (+84) 211.3 888 562
-  vgpipe.com.vn

Thông tin cơ bản

Tên giao dịch : CTCP ÓNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh : Vietnam Germany Steel Pipe JSC
Tên viết tắt : VG PIPE
Số ĐKKD : 2500267703
Cấp ngày : 31/01/2007
Đơn vị cấp : Sở KH và ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ : 421.115.890.000 đồng.
Trụ sở chính : KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211. 3887 863
Fax : 0211. 3888562
Website : vgpipe.com.vn
Tài khoản : 4261 00000 55252
Tại NH : BIDV – CN Phúc Yên
Mã số thuế : 2500267703
Biểu tượng Công ty:



Thông tin cổ phiếu

Mã cổ phiếu : VGS
Sàn niêm yết : HNX
Ngày niêm yết : Tháng 12/2008
Số cổ phần : 42.111.589 cổ phần

Thông tin trụ sở chính và Văn phòng đại diện

Trụ sở chính

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà SIMCO, 28 đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A, Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam

Địa chỉ: Bến Lức, Long An



Ngành nghề Kinh doanh



Sản xuất các loại ống thép, ống inox;

Sản xuất các sản phẩm từ thép;

Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt;

Sản xuất các cấu kiện cho thép xây dựng;

Luyện gang, thép;

Sản xuất thép không gỉ, inox;

Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình TM, dân dụng;

Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn;

Kinh doanh dịch vụ khách sạn;

Kinh doanh dịch vụ ăn uống;

Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hóa;

Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;

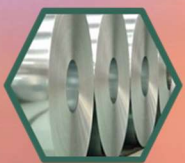
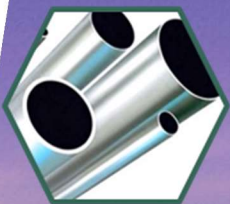
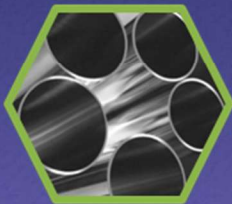
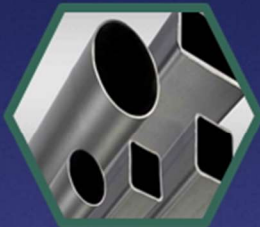
Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh;

Môi giới thương mại;

Đại lý mua bán, ký gửi hàng;

Kinh doanh bất động sản, QSDĐ thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá Quyền sử dụng đất



Lĩnh vực

SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất thép, bao gồm:

Sản xuất Ống thép hàn đen

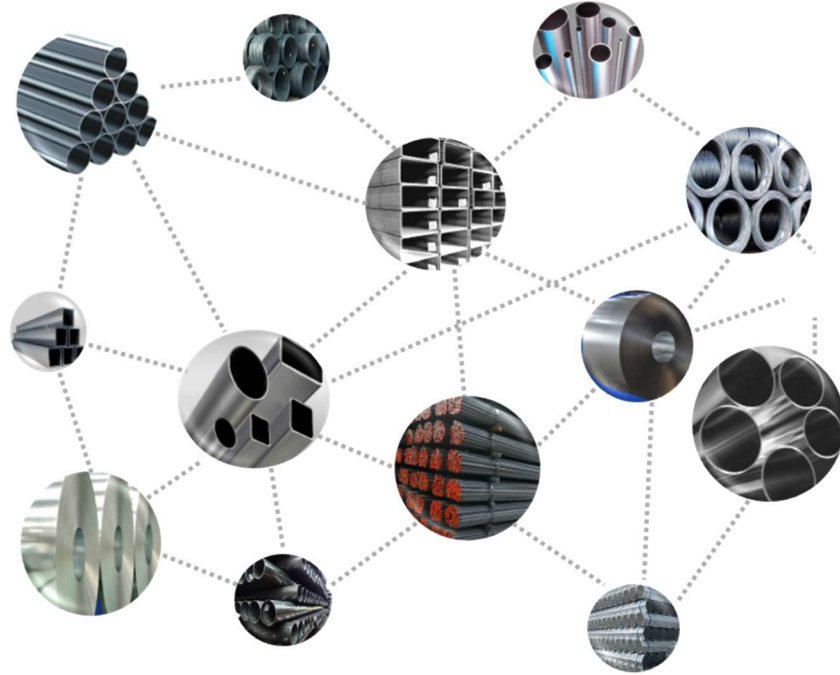
Sản xuất Ống thép Tôn mạ

Sản xuất Ống thép mạ kẽm nhúng nóng

Sản xuất Tôn cán nguội

Sản xuất Tôn mạ kẽm

Sản xuất thép xây dựng



LĨNH VỰC KINH DOANH DỊCH VỤ

Ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, Công ty còn phát triển thêm lĩnh vực đầu tư kinh doanh Bất động sản. Hiện nay VG PIPE có 03 dự án cụ thể:

- ❖ Tòa nhà Tài chính VIETDUC FINANCIAL BUILDING tại Vĩnh Yên là Tòa nhà cho thuê văn phòng và căn hộ.
- ❖ Tòa nhà Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh, mục đích cho thuê văn phòng.
- ❖ Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City với quy mô 62ha



Dự án
Văn phòng và TT thương mại



Dự án
Việt Đức Legend City



Vietduc Financial
building

Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2002



2007

Ngày 29/01/2007 đã chuyển đổi sang Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE với VĐL 35 tỷ đồng tương đương với 3,5 triệu CP với mệnh giá 10.000 đồng/CP. Công ty đã phát hành riêng lẻ tăng VĐL từ 35 tỷ lên 70 tỷ đồng. VG PIPE thành lập CT cổ phần thép Việt Đức để SX Tôn cán nguội và Ống thép lớn. VGPIPE trở thành Công ty đại chúng.

Ngày 20/11/2008 cổ phiếu VGPIPE được chấp thuận niêm yết tại HNX. Ngày 4/12/08 chính thức giao dịch trên sàn HNX
Tháng 12/08: Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ lên 125,997 tỷ đồng từ việc chia cổ tức và chia thưởng bằng CP



2008



2009

Cty đã phát hành tăng vốn từ **125,997 tỷ** lên **375,997 tỷ đồng** cho cổ đông hiện hữu, đấu giá và cổ đông chiến lược. Công ty đã góp vốn để thành lập CTCP sản xuất thép Việt Đức (Công ty liên kết) để sản xuất thép xây dựng cán nóng

Niêm yết bổ sung **25 triệu cổ phiếu** trên HNX
Tổng cổ phiếu đang VGPIPE lưu hành 37.599.710cp, mệnh giá 10.000đ/cp.

2010

2011

Công ty đã triển khai xây dựng Toà nhà Vietduc Financial building tại thành phố Vinh Yên, được chia thành 2 khối văn phòng và căn hộ

Công ty triển khai mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm và đầu tư mới thêm 5 dây chuyền sản xuất Ống tôn mạ kẽm

2013



Công ty đã đưa dây chuyền sản xuất Tôn mạ kẽm thứ 2 và 3 đi vào hoạt động. Thay thế 04 dây truyền sản xuất ống thép cũ.

2015

2014



Công ty đã chính thức có kho hàng tại Miền Trung với diện tích cả văn phòng làm việc và hệ thống kho bãi gần 5.000m²



Nhà máy sản xuất Thép chế tạo thuộc Công ty liên kết đi vào hoạt động và đánh dấu năng lực sản xuất của toàn tập đoàn lên đến 1.300.000 tấn/năm.

2016



2017

Công ty đã triển khai xây dựng Trung tâm thương mại và cho thuê văn phòng đối với khu đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Tổng diện tích thi công 12.800m² bao gồm 1 tầng hầm và 7 tầng nổi.

Công ty mở rộng Dự án Thép chế tạo thêm quy mô 3,2ha nhằm xây dựng hệ thống nhà điều hành và phụ trợ

2018



2018

Công ty triển khai việc thực hiện xây dựng dự án Việt Đức Legend City giai đoạn một với diện tích 25ha

Thông tin

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

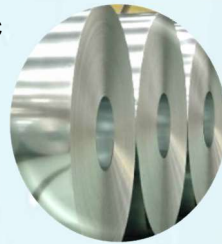
Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Số cổ phần: 8.000.000 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 99,92%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất Tôn cán nguội và Tôn cuộn mạ kẽm



Thông tin Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

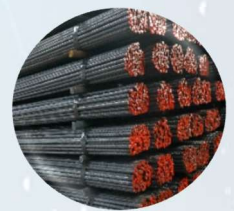
Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng

Số cổ phần: 30.406.500 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 28,6%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất thép chất lượng cao và Chế tạo





Sales

Analytics

Thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN ĐIỀU HÀNH
BAN KIỂM SOÁT

Thông tin HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	5.300.000	12,6
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,1
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,6
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	100.800	0,2
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	38.080	0,01
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	1.120.000	2,7
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0

Thông tin

BAN ĐIỀU HÀNH



Thông tin

BAN KIỂM SOÁT



Tổng quan

CÔNG TY ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC



Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập năm 2002 trên diện tích 25 ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội mã giao dịch VGS.

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

01

Thép Việt Đức là đơn vị chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm; Ống Tôn mạ; Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm với công suất 600.000tấn/năm.

Ngoài ra Công ty chúng tôi còn liên doanh liên kết sản xuất thép xây dựng có đường kính từ D6 đến D51 công suất 700.000tấn/năm.

Thép Việt Đức đang vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất ống thép và tôn cán nguội, tôn mạ kẽm theo công nghệ của các nước tiên tiến nhất hiện nay.

Sản phẩm ống thép được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387:1985, ASTM A53, có đường kính ngoài từ 1/2 inch đến 8 inch, độ dày từ 1,9mm đến 8.18mm,

Ống thép vuông, chữ nhật theo tiêu chuẩn ASTM A500

VỊ THẾ - THỊ PHẦN

02

Ống Thép Việt Đức là doanh nghiệp lớn hàng đầu tại Việt Nam. VGS chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm nhúng nóng; Ống Tôn mạ kẽm; Tôn cuộn cán nguội và Tôn cuộn mạ kẽm.

Tự hào nằm trong TOP 5 nhà máy sản xuất và tiêu thụ Ống thép; và TOP 6 nhà sản xuất Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam. Sản phẩm Ống thép Việt Đức được trải dài trên mọi miền tổ quốc.

Hiện nay, Thép Việt Đức có các kho hàng tại Miền Bắc; Miền Trung và Miền Nam nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng nhanh nhất

Thị phần VGS chiếm 6,7% của cả nước đối Ống thép, 5,1% đối với thép xây dựng

CÁC DỰ ÁN ĐÃ CẤP

03

Sự đầu tư chuyên nghiệp và bài bản cùng với việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào hoạt động SXKD nên Thép Việt Đức luôn trên đà phát triển, giữ vững và mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm thép, phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Sản phẩm **Thép Việt Đức** tự hào đã được nhiều dự án lớn do chủ đầu tư trong và ngoài nước sử dụng và được đánh cao như Dự án: nhà ga T2 Nội Bài; Sam Sung Thái Nguyên; Formosa Hà Tĩnh; Time City; Royal City; các dự án tập đoàn Vincom làm chủ đầu tư; Sân bay Đà Nẵng; đường sắt trên cao; Vành đai 3; Cầu Nhật Tân; Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Lào Ca.và rất nhiều dự án lớn khác.

GIÁ TRỊ

SỨ MỆNH



TẦM NHÌN

CỐT LÕI

Tầm nhìn chiến lược

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tạo dựng một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu

THÉP VIỆT ĐỨC – ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tận tâm - Uy tín

Tận tâm và Uy tín đối với mọi khách hàng và đối tác

Nâng cao Chất lượng

Nâng cao Chất lượng trong từng sản phẩm, dịch vụ và lĩnh vực hoạt động

Lợi nhuận Hiệu quả

Lợi nhuận và hiệu quả” là giá trị căn bản của hoạt động sản xuất kinh doanh



Đoàn kết - Hợp tác

Đoàn kết và Hợp tác tạo nên sức mạnh Công ty

Chuyên nghiệp Tiêu chuẩn hóa

Chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hoá là giá trị cốt lõi của văn hoá doanh nghiệp.

SỨ MỆNH

ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG

Cung cấp các sản phẩm - dịch vụ với chất lượng Châu Âu phù hợp với nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng. Sản phẩm - dịch vụ luôn đẳng cấp, đón đầu và chiếm lĩnh thị trường, mang lại cho các đối tác, khách hàng sự hài lòng, thành công.



ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân và niềm tự hào dân tộc.



ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC VÀ CỔ ĐÔNG

Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển, luôn là người đồng hành uy tín của các đối tác và cổ đông, phấn đấu gia tăng các giá trị đầu tư tốt và bền vững.



ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên.



01

Dự án KHU ĐÔ THỊ VIỆT ĐỨC LEGEND CITY

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên dự án:

Khu đô thị Việt Đức Legend City

Địa chỉ :Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Chủ đầu tư:

Cty Ống thép Việt Đức VG PIPE

Quy mô dự án: 62ha

Quy mô thực hiện giai đoạn 1: 25ha.



TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GĐ1 DỰ KIẾN

- Chi phí xây dựng, hạ tầng: 1.250 tỷ đồng
- Chi phí thiết bị hạ tầng : 55 tỷ đồng
- Chi phí GPMB : 80 tỷ đồng
- Chi phí khác : 130 tỷ đồng
- Chi phí dự phòng : 210 tỷ đồng
- Tổng cộng : 1.725 tỷ đồng**

NHÀ BIỆT THỰ

- Tổng số biệt thự : 192 căn .
- Diện tích : 198 - 381 m2/căn
- Tổng diện tích đất : 51.796 m2;
- Tầng cao : 3 tầng;
- Mật độ xây dựng : 55%-65%;
- Tổng Diện tích xây dựng: 88.400 m2.

NHÀ LIỀN KÈ

- Tổng số căn liền kề: 204 căn;
- Diện tích : 95,9 m2 - 268 m2/1 căn;
- Tổng Diện tích đất : 26.084 m2;
- Tầng cao 1 căn : 05 tầng;
- Mật độ xây dựng : 80%;
- Tổng diện tích xây dựng: 104.400m2;

NHÀ Ở CAO TẦNG XÃ HỘI

- Tổng số có 7 tòa nhà, cao 5 tầng;
- Diện tích xây dựng 1 tòa 5.614 m2;
- Tổng diện tích xây dựng 39.300 m2

KIẾN TRÚC CẢNH QUAN, CÂY XANH

Tổng diện tích là 34.500 m2



Thiết kế phối cảnh Dự án

Địa điểm xây dựng

Dự án Văn phòng và Trung tâm thương mại được xây dựng trên diện tích 2.720m² tại Km9 đường Bắc Thăng Long – Nội Bài, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

**Quy mô đầu tư dự án**

Tổng diện tích đất: 2.720m²; Diện tích đất lưu không 4.500m²; Diện tích xây công trình 1.825m². Diện tích các hạng mục phụ trợ như sân vườn, đường nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác là 895m²

Các hạng mục công trình

Diện tích sàn xây dựng: 1.825m²; Tổng số tầng: 07 tầng nổi và 1 tầng hầm.

Diện tích sàn từ tầng hầm - tầng 3: 7.300m²; Từ tầng 4 đến tầng 7: 5.200m²

Tổng cộng 12.500 m² diện tích xây dựng

Mật độ xây dựng : 57%.

Các hạng mục xây dựng: Xây dựng mới đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: san nền, đường giao thông, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

**Tòa nhà
TÀI CHÍNH VIỆT ĐỨC****Khái quát chung về Dự án**

Bao gồm 02 khối nhà để sử dụng cho 2 mục đích khác nhau: 01 khối là khu căn hộ cao cấp và 01 khối là khu Văn phòng cho thuê.

Chiều cao: 07 tầng.

Năm đầu tư xây dựng: 2010 – 2011

Hiện tại khu căn hộ đã cho thuê đạt 100%

Khu văn phòng tập trung cho các Công ty như Ngân hàng; bảo hiểm; Kiểm toán và các Công ty đầu tư tài chính, hiện đã cho thuê đạt 90%

Địa điểm xây dựng:

Phường Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Diện tích đất: 1.520m²



Một số dự án lớn

SỬ DỤNG THÉP VIỆT ĐỨC



Royal City



Time City



Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng



Cao tốc Hà Nội – Lào Cai



Formosa Hà Tĩnh



Sam Sung Thái Nguyên



Cầu Nhật Tân



Cầu Đông Trù



Golmak City



Vinhome Tân Cảng



Và nhiều dự án trọng điểm khác

Chỉ tiêu TÀI CHÍNH CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	ĐVT	2016	2017	2018
1. Kết quả Kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và CCDV	Tỷ đồng	4.579,3	6.011,5	6.946,7
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.550,9	5.980,1	6.920,0
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	249,5	232,5	182,4
Chi phí tài chính ròng	Tỷ đồng	(14)	(30)	(33)
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	102,1	78,4	66,4
Chi phí quản lý	Tỷ đồng	31,3	40,5	32,4
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(5)	(0)	2
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	97,5	83,4	52,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,5	71,3	44,3
2. Bảng cân đối Kế toán				
Tổng Tài sản		1.520,3	1.729,0	1.420,1
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.095,4	1.377,2	1.013,2
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	424,9	351,8	406,9
Tổng nguồn vốn		1.520,3	1.729,0	1.420,1
Nợ phải trả	Tỷ đồng	936,6	1.139,9	793,3
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	583,7	589,1	626,8
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	376,0	376,0	376,0
3. Lưu chuyển tiền tệ				
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(188)	(243)	294,0
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	Tỷ đồng	34,2	46,4	40,1
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	139,3	201,3	(329)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	Tỷ đồng	(14)	4,5	5,0
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	Tỷ đồng	25,5	11,2	15,6
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	Tỷ đồng	11,2	15,6	20,6
4. Chỉ tiêu Tài chính cơ bản				
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu thuần	%	5,5	3,9	2,6
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	1,8	1,2	0,6
Tỷ số lợi nhuận trên tài sản	%	5,4	4,1	3,1
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%	14,0	12,1	7,1

Quản trị rủi ro

TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Là một Công ty sản xuất công nghiệp chuyên về thép, nhiều rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành và từng điều kiện kinh tế ở các địa bàn hoạt động. Ông thép Việt Đức VG PIPE luôn coi quản trị rủi ro là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược phát triển.

1

RỦI RO CHÍNH SÁCH

Với tư cách là Công ty cổ phần đại chúng và Công ty niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện vẫn đang trong quá trình tiếp tục được hoàn thiện. Do vậy, việc thực thi và sự ổn định của hệ thống các văn bản pháp lý này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Với gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thép, VG PIPE tin rằng sẽ đủ kinh nghiệm để nhận định phân tích và quản trị các rủi ro liên quan đến những thay đổi pháp lý của thị trường. Thường xuyên cập nhật các thay đổi của hệ thống luật pháp liên quan đồng thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị và điều chỉnh các quy trình, quy định của công ty cho phù hợp

2

RỦI RO BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ.

Tính đến thời điểm cuối năm 2018, đồng Việt Nam đã mất giá khoảng 2,7% so với thời điểm đầu năm. Mức biến động này khá thấp so với các đồng tiền khác trong khu vực so với USD: Cam-pu-chia (-0,1%), Thái Lan (-1,1%); Việt Nam (-2,7%); Lào (-2,9%); Malaysia (-3,3%); Philippine (-4,8%); Indonesia (-5,1%); Myanmar (-14,5%).

Biện pháp: Công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện và thời hạn thanh toán các hợp đồng nhập khẩu để có biện pháp cân đối ngoại tệ cho phù hợp. Sử dụng tất cả các biện pháp như nguồn thu xuất khẩu, kết hợp các tổ chức tín dụng để tính toán các phương án mua bảo hiểm USD trên cơ sở so sánh với VNĐ để hạn chế thấp nhất rủi ro tỷ giá



3

RỦI RO BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT

Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng đồng vốn vay. Do đó, biến động của lãi suất sẽ tác động mạnh đến chi phí hoạt động của các doanh nghiệp, làm thay đổi lớn kết quả lợi nhuận.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Luôn chủ động định hướng cơ cấu nợ và vốn chủ cho phù hợp với từng thời điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh gắn chắc với thời điểm của thị trường tín dụng. Với thời gian hoạt động gần 20 năm cùng với tình hình tài chính lành mạnh cũng như uy tín của Công ty, VG PIPE đã được các tổ chức đánh giá cao vì thế Công ty cũng có ưu thế trong việc đàm phán với các tổ chức tín dụng để có mức lãi suất vay hợp lý nhất.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ

4

Về biến động giá: Thép là mặt hàng cốt lõi của nền kinh tế. Doanh thu và lợi nhuận của Thép Việt Đức có sự đóng góp gần 100% từ các mặt hàng thép. Đối với nguyên liệu sản xuất thép giá rất nhạy cảm và biến động nhanh khi các yếu tố tự nhiên liệu; than cốc; dầu; quặng trên thế giới biến động thì ngay lập tức giá thép đã biến động ngay tức thì. Trong năm 2018, giá nguyên liệu thép và giá thép biến động khá phức tạp, lên xuống nhiều rất khó cho việc lập kế hoạch cũng như tính toán giá hợp lý an toàn trong việc SXKD của Công ty.

Biện pháp: Luôn cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời đầu tư nâng cấp và sử dụng các công nghệ hiện đại, các biện pháp quản lý chặt chẽ để kiểm soát giá thành ở mức thấp. Ngoài ra, Công ty thường xuyên đánh giá các chủng loại mặt hàng nào có tính cạnh tranh, chất lượng tốt và đánh giá các nhà cung cấp có năng lực và cạnh tranh tốt về giá để lựa chọn

Quản trị rủi ro TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

(Tiếp theo)



4

(Tiếp theo)

RỦI RO NHÂN SỰ

Với 1.000 CBCNV đến từ các vùng miền trên cả nước, tuổi đời lao động trẻ, biến động về nhân sự luôn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết.

Trong khi lĩnh vực sản xuất thép luôn đòi hỏi lượng lớn lao động kỹ thuật có chuyên môn và tay nghề cao, hệ thống đào tạo của Việt Nam trong lĩnh vực cơ khí chế tạo lại chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu thực tế.



Biện pháp: VG PIPE coi con người là yếu tố trung tâm làm nên thành công, luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Các chính sách phát triển nhân sự cả về mặt lượng và chất luôn được triển khai đồng đều. VG PIPE đã triển khai hệ thống đánh giá cấp bậc nhân sự để chuẩn hóa hệ thống nhân sự đồng thời áp dụng trong cách tính và chi trả lương thưởng xứng đáng để tạo động lực cho người lao động

RỦI RO TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Ngoài sản xuất thép Công ty còn có thêm lĩnh vực bất động sản, hiện nay Công ty đang triển khai dự án KĐT Việt Đức Legend City. Công tác triển khai bao gồm làm hồ sơ xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, GPMB, đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng, thi công cơ sở hạ tầng và xây dựng các hạng mục... hợp đồng với các nhà thầu, nhà cung cấp đều có thể ảnh hưởng đến tiến độ theo kế hoạch.



Biện pháp: Công ty luôn chủ động trong kế hoạch triển khai dự án với nhiều kinh nghiệm và phối hợp tốt với cơ quan chức năng có liên quan để việc thực hiện triển khai được giải quyết một cách nhanh nhất.

2

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình sản xuất hoặc quá trình triển khai xây dựng các dự án có thể phát sinh ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước cho môi trường xung quanh. Ngoài ra, khi bàn giao hay đưa vào hoạt động, các dự án phức hợp quy mô lớn có thể làm thay đổi tài nguyên – môi trường – sinh thái ở những vùng phụ cận, hoặc thay đổi môi trường kinh tế, xã hội, nhân sinh quanh khu vực dự án.

Biện pháp: Bảo vệ môi trường luôn là trách nhiệm nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp và Vg PIPE luôn ý thức các tác động đến môi trường trong hoạt động của mình. Chính vì vậy, hàng năm Công ty đều mời các cơ quan có thẩm quyền để đánh giá tác động môi trường và các dự án trước khi thực hiện cũng đều thực hiện công tác này.



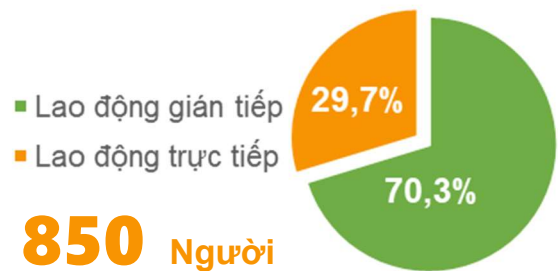
Tổ chức NHÂN SỰ



Xác định “CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG”, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, VG PIPE đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản. Đây chính là động lực giúp VG PIPE vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Thép Việt Đức được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Công ty liên kết. Tổng số lao động của năm 2018 là 850 người; trong đó tổng số lao động gián tiếp là 250 người và lao động trực tiếp là 600 người.



850 Người

Tổng số lao động năm 2018

THỜI GIAN LÀM VIỆC

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc của Công ty, ngày làm 8 tiếng từ 8h đến 17h (1 tiếng nghỉ trưa) từ thứ 2 đến thứ 7. Khi có yêu cầu công việc người lao động có thể làm thêm giờ, thời gian làm thêm giờ và lương thêm giờ được đảm bảo theo đúng Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Công ty sẽ tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển của Công ty.

Công ty sẽ sử dụng nguồn lao động một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Nghỉ phép, lễ tết:

Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những CBCNV làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

VG PIPE chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại VG PIPE, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao. Ban lãnh đạo Công ty ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy tính sáng tạo. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, cạnh tranh lành mạnh, thân thiện và gắn kết.

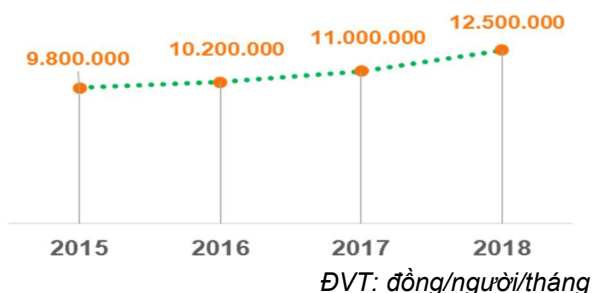
CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

VG PIPE chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng năm, VG PIPE thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ, quy trình làm việc mới. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, công ty luôn quan tâm đào tạo nâng cao kiến thức, trau dồi kỹ năng chuyên môn; tiếp cận và ứng dụng các phương pháp quản lý tiên tiến.

Thu nhập bình quân năm 2015 - 2018



CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỜNG PHÚC LỢI

Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho CBCNV đối với khối gián tiếp dựa vào cấp công việc của nhân viên, chức vụ, năng lực theo thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, còn đối với Bộ phận kinh doanh trả lương theo sản lượng bán hàng, khối trực tiếp sản xuất thì trả theo lương sản phẩm. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống của CBCNV.

Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Mặc dù năm qua ngành thép gặp nhiều khó khăn nhưng cuối năm Công ty vẫn giải quyết cho người lao động lương tháng thứ 13 và có chính sách thưởng cho các cá nhân, bộ phận đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

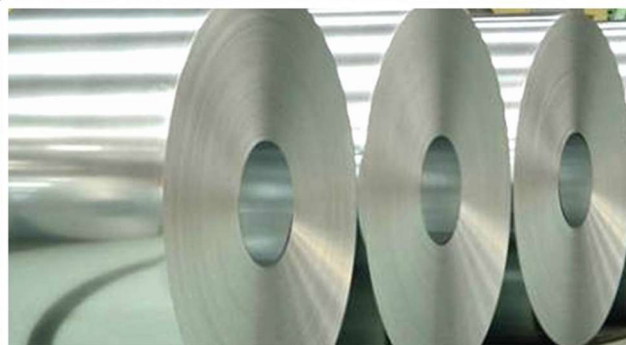
Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho CBCNV. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm con người kết hợp 24/24 cho toàn bộ CBCNV trong Công ty. Mỗi năm Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước 01 lần/năm.

12.500.000 đồng/người/tháng

Thu nhập bình quân năm 2018

Báo cáo KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



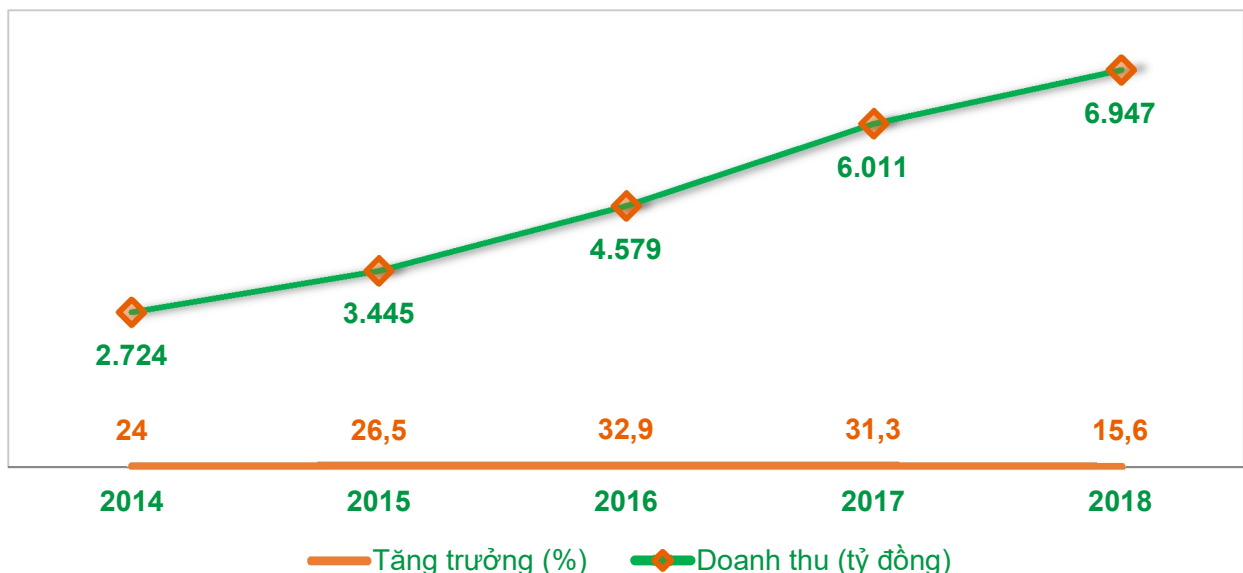
Tổng doanh thu năm 2018 đạt 6.947 tỷ đồng, tăng 31,1% so kế hoạch

Chỉ tiêu	Năm 2018 (Tỷ đồng)	Năm 2017 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm so năm 2017 (%)
Tổng doanh thu	6.947	6.012	+15,5
Doanh thu thuần	6.920	5.980	+15,7
Lợi nhuận trước thuế	53	83	(36,1)
Lợi nhuận sau thuế	44	71	(38,0)
Lợi nhuận Cty mẹ	44	71	(38,0)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	NĂM 2018 (Tỷ đồng)	NĂM 2017 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm so năm 2017 (%)
Tổng Tài sản	1.420,1	1.729,0	(17,9)
Tài sản ngắn hạn	1.013,2	1.377,2	(26,4)
Tài sản dài hạn	406,9	351,8	15,6
Tổng nguồn vốn	1.420,1	1.729,0	(17,9)
Nợ phải trả	793,3	1.139,9	(30,4)
Vốn chủ sở hữu	626,8	589,1	(6,3)
Vốn điều lệ	376,0	376,0	-

**Doanh thu hợp nhất và Tốc độ tăng trưởng
Từ năm 2014 - 2018**



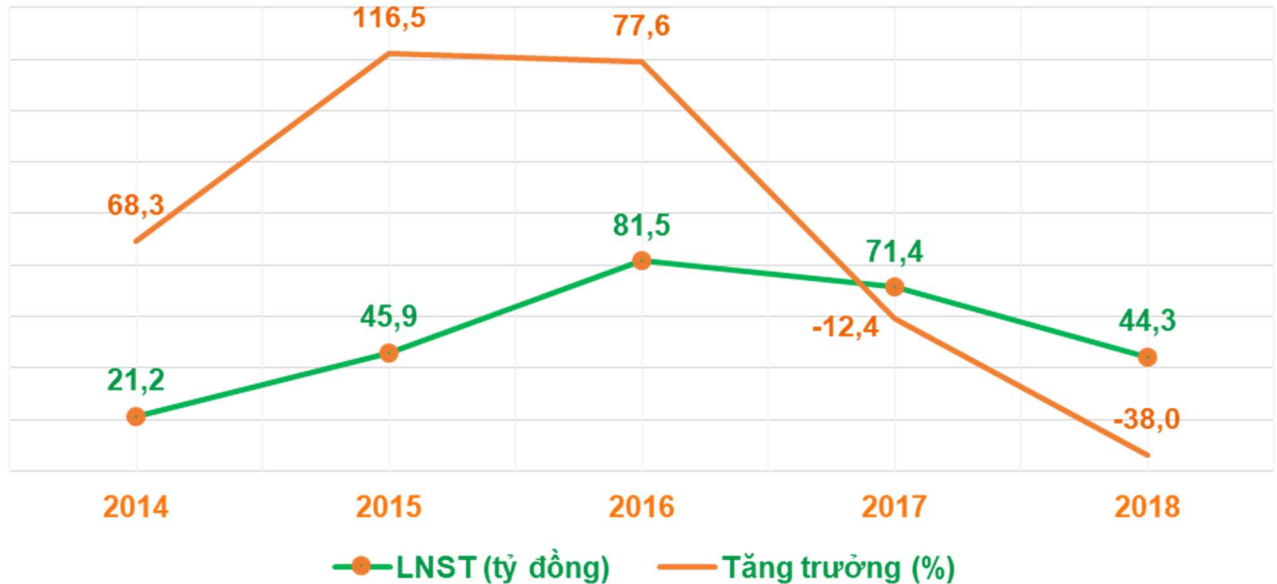
Doanh thu hợp nhất của Công ty luôn trên đà tăng trưởng cao trong 5 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 20%.

Nếu so sánh doanh thu năm 2018 với doanh thu năm 2014 thì tốc độ tăng trưởng đạt 155%. Như vậy Công ty đang hoạt động rất tốt và đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất và Tốc độ tăng trưởng
Từ năm 2014 - 2018

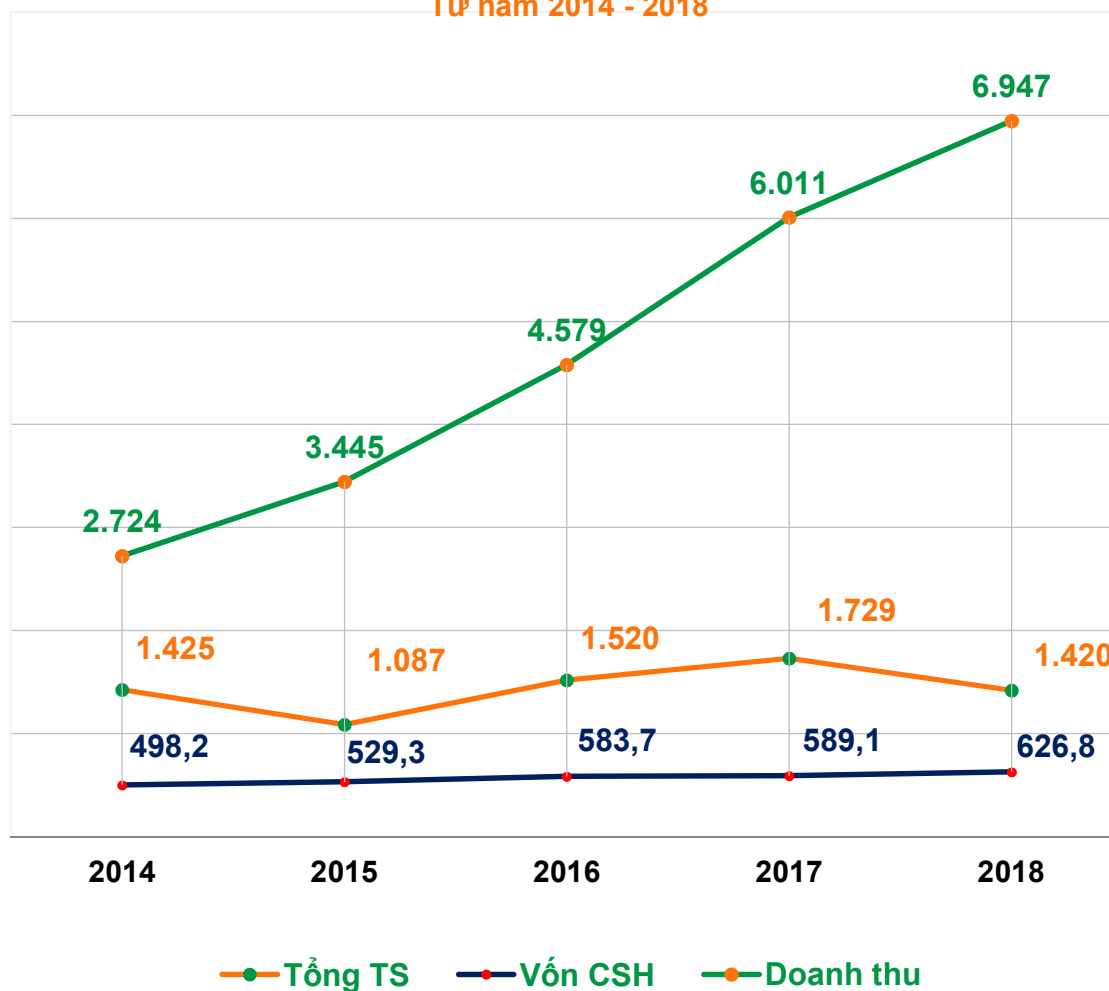


Thông tin cơ bản về Tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.425	1.087	1.520	1.729	1.420
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	498,2	529,3	583,7	589,1	626,8
3	Doanh thu BH và CCDV	Tỷ đồng	2.724	3.445	4.579	6.011	6.947
4	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.716	3.429	4.551	5.980	6.920
5	Lợi nhuận từ HĐSXKD	Tỷ đồng	25	55	102	84	52,4
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28	50	97	83	52,6
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21	46	81	71	44,3
8	Trả cổ tức	%	2,5	10	15	12	-

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Biểu đồ chỉ tiêu tài chính cơ bản
Từ năm 2014 - 2018



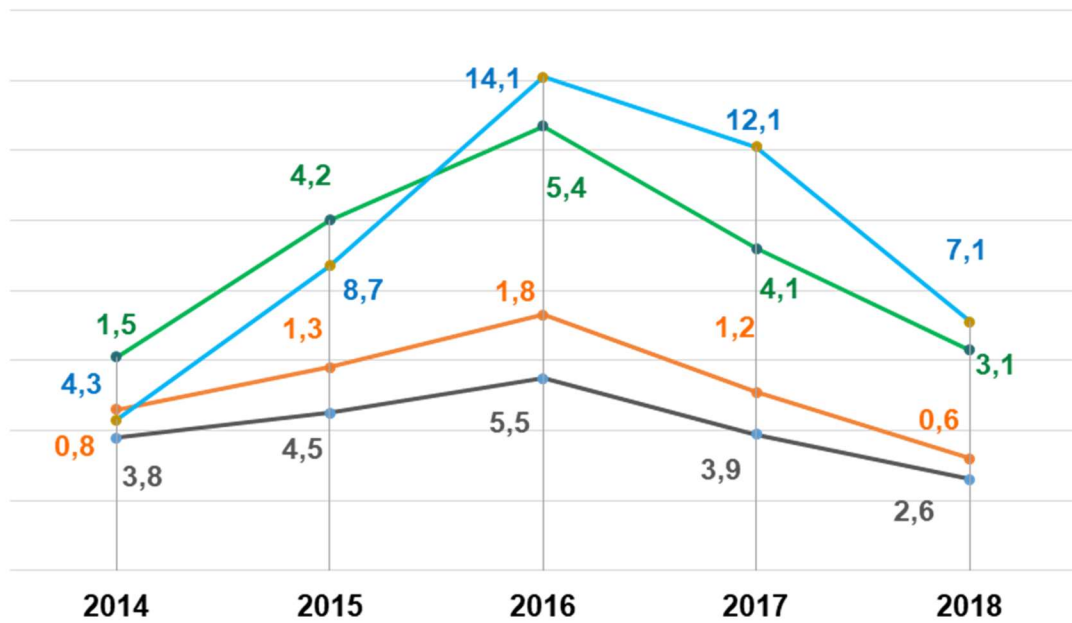
Một số chỉ tiêu về Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tỷ suất LN gộp/Doanh thu	%	3,8	4,5	5,5	3,9	2,6
2	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	0,8	1,3	1,8	1,2	0,6
3	Tỷ suất LNST/Tổng TS	%	1,5	4,2	5,4	4,1	3,1
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	4,3	8,7	14,1	12,1	7,1

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Biểu đồ Tỷ suất lợi nhuận từ năm 2014 - 2018

(%)



—●— TS LNST/Tổng TS —●— TS LNST/DT thuần —●— TS LN gộp/DT —●— TS LNST/VCSH

Năm 2018 Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đặt ra bởi năm 2018 do khó khăn chung của ngành thép Việt Nam cũng như khó khăn của nền kinh tế, cụ thể:

Diễn biến phức tạp trong chính sách thương mại Mỹ - Trung gây ra những tác động đáng kể đối với kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam;

Những diễn biến kém tích cực của ngành thép trong nửa cuối năm 2018 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và hiệu quả SXKD của hầu hết các doanh nghiệp trong ngành.

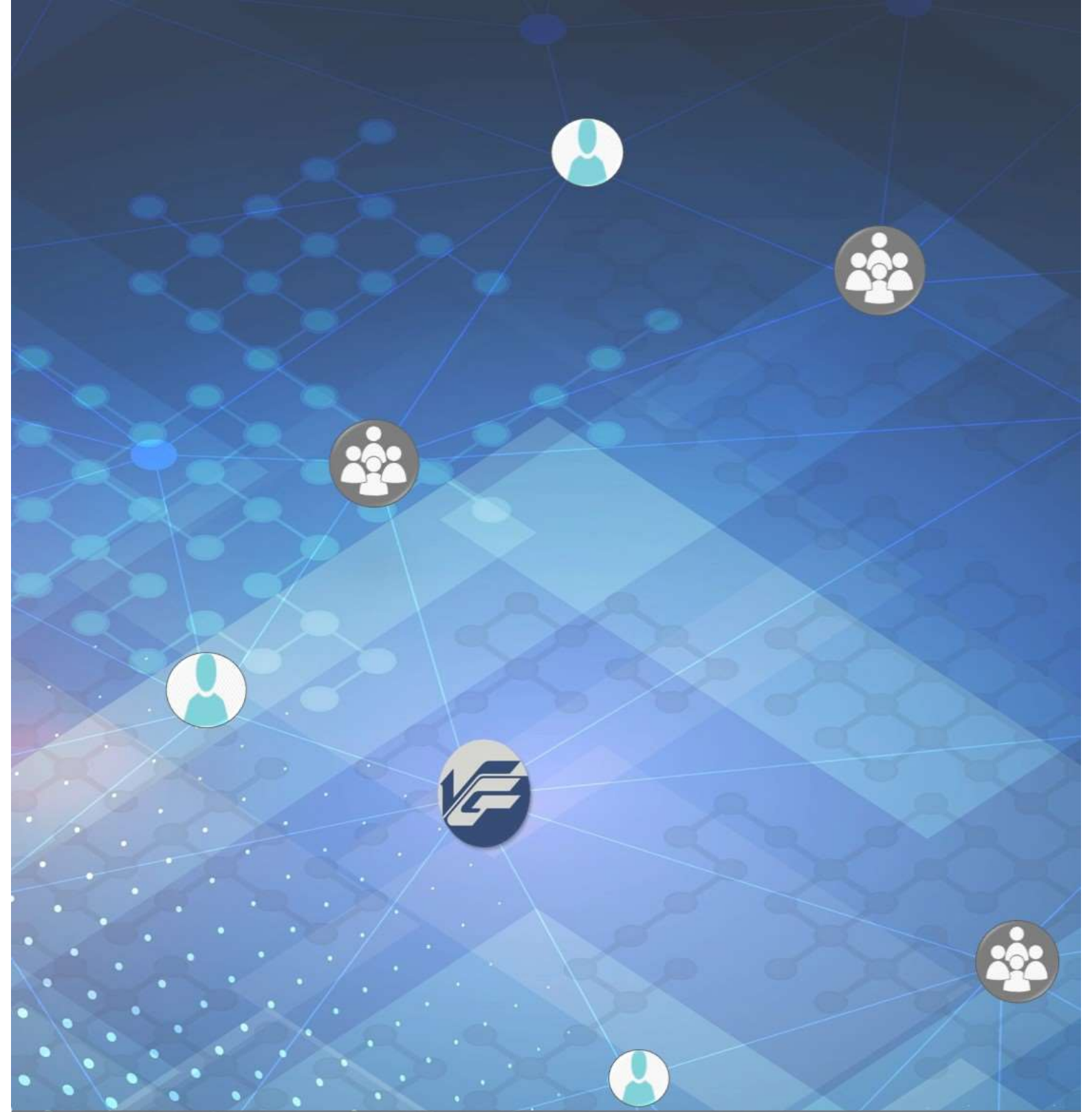
Chính sách bảo hộ thương mại đang gia tăng tại nhiều khu vực và quốc gia;

Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn đối với các lĩnh vực sản xuất đặc biệt là mặt hàng sắt thép;

Giá nguyên nhiên liệu xu hướng tăng do kiểm soát chặt hơn các biện pháp bảo vệ môi trường tại các khu vực có các điểm mỏ lớn;

Lãi suất ngắn hạn và dài hạn tăng so với năm trước. Tỷ giá USD biến động tăng những tháng cuối năm 2018.





Cơ cấu CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 27/3/2019	
			Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	5.300.000	12,6
2	Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1.292.540	3,1
3	Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	2.358.720	5,6
4	Ô. Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	100.800	0,2
5	Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	38.080	0,1
6	Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	1.120.000	2,7
7	Ô. Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0
8	Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	-	0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 27/3/2019	
			Số CP SH	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1.292.540	3,1
2	Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	2.358.720	5,6

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày 27/3/2019	
			Số CPSH	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng BKS	-	-
2	Ông Lê Quý Minh	Thành viên BKS	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	-	-

Cổ đông lớn thời điểm 27/03/2019

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Ngày 27/3/2019	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Minh Hải	118-120 D1 Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội	5.300.000	12,6
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	2.645.998	6,3
3	Bà Nguyễn Thị Nhi	7B Ngõ 79, Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, Hà nội	2.358.720	5,6

Cơ cấu cổ đông thời điểm 27/03/2019

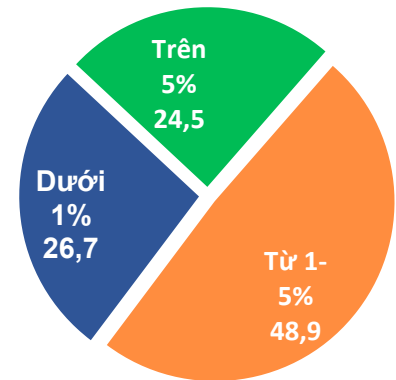
STT	Nội dung	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông nội bộ	8	14.106.138	33,5
1.1	HĐQT; Ban TGD; Kế toán trưởng; Ban kiểm soát	6	10.210.140	24,2
1.2	Người có liên quan	2	3.895.998	9,3
2	Cổ đông khác	2.260	28.005.451	66,5
2.1	Cổ đông trong nước	2.239	26.042.173	61,8
2.1.1	Cá nhân	2.225	25.757.421	61,2
2.1.2	Tổ chức	14	284.752	0,7
2.2	Cổ đông nước ngoài	21	1.963.278	4,7
2.2.1	Cá nhân	21	1.963.278	4,7
2.2.2	Tổ chức			
Tổng cộng		2.268	42.111.589	100,0



Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 27/3/2019

STT	Cổ đông sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Trên 5%	10.304.718	24,5
2	Từ 1% - 5%	20.571.619	48,9
3	Dưới 1%	11.235.252	26,7
Cộng		42.111.589	100,0

Cơ cấu Tỷ lệ nắm giữ (%)



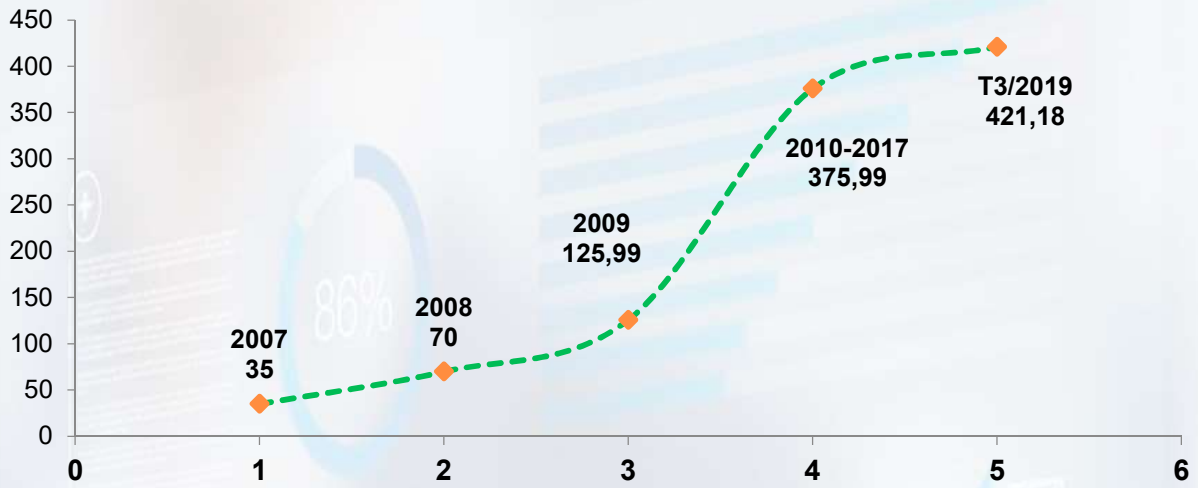
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2018

Người thực hiện	Quan hệ cổ đông nội bộ	Cổ phần đầu kỳ		Cổ phần cuối kỳ		Lý do
		Lượng	Tỷ lệ %	Lượng	Tỷ lệ %	
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.857.500	9,9	5.300.000	12,6	Mua, nhận cổ tức
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	262.000	0,7	1.292.540	3,1	Mua, nhận cổ tức
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	321.000	0,9	2.358.720	5,6	Mua, nhận cổ tức
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	1.000.000	2,7	1.120.000	2,7	Mua, nhận cổ tức
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Vợ CT HĐQT	2.362.499	6,3	2.645.998	6,3	Mua, nhận cổ tức
Lê Khánh Huyền	Con CTHĐQT	866.200	2,3	1.250.000	2,97	Mua, nhận cổ tức

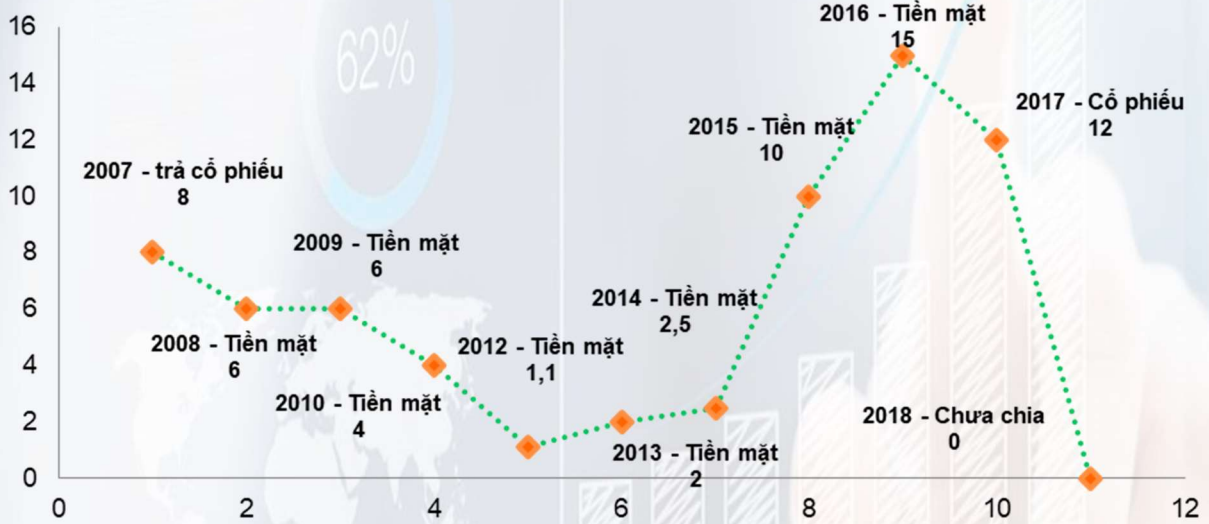


Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty từ 2007 – T3/2019

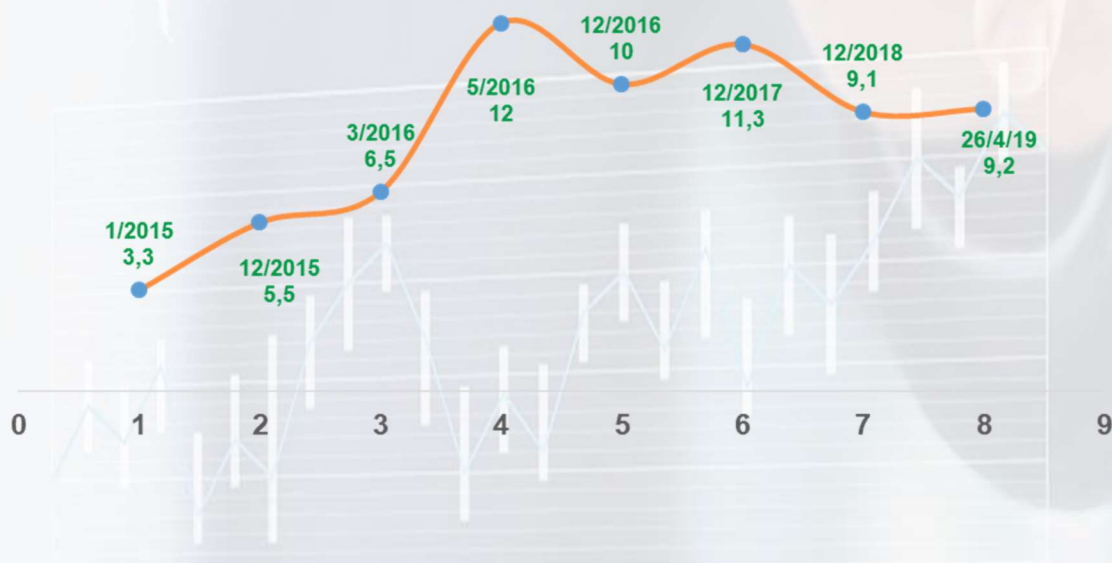
ĐVT: (tỷ đồng)



Bảng theo dõi trả cổ tức cho Cổ đông từ năm 2010 – 2018 (%)



Biến động giá cổ phiếu VGS từ năm 2015 – T4/2019





**Báo cáo
BAN GIÁM ĐỐC**



Tình hình

KINH TẾ VIỆT NAM 2018

Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng này là khá cao so với các nước trong khu vực. Trong mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 8,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng: 48,6%; khu vực dịch vụ: 42,7%.

Đóng góp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vào GDP ngày càng lớn

Năm 2018, ngành công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 8,85% so với cùng kỳ năm trước và đóng góp cao nhất 48,6% vào mức tăng trưởng chung. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng 8,79% và đóng góp tới gần 13%.

Khu vực FDI đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế Việt Nam

Mặc dù chiếm khoảng 24% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội nhưng khu vực FDI lại có vai trò khá quan trọng đối với phát triển kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

Hai công ty có ảnh hưởng lớn tới kinh tế cả nước bao gồm Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh và Tập đoàn Samsung tại Việt Nam. Trong năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp tại Hà Tĩnh đứng đầu cả nước với mức tăng 102% so với cùng kỳ năm trước.



GDP

GDP cả năm 2018

7.08% so với cùng kỳ 2017

Tăng CAO NHẤT kể từ năm 2008



VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

25,6 tỷ USD
Tổng vốn đăng ký và tăng thêm

Vốn FDI giải ngân
Đơn vị: tỷ USD



Nhóm ngành thu hút vốn FDI nhiều nhất



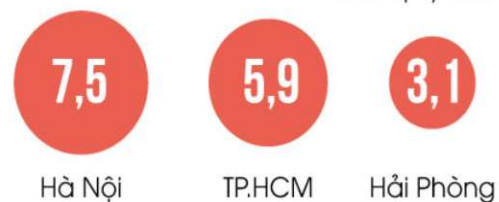
Đối tác đầu tư lớn nhất

Đơn vị: tỷ USD



Địa phương thu hút nhiều vốn nhất

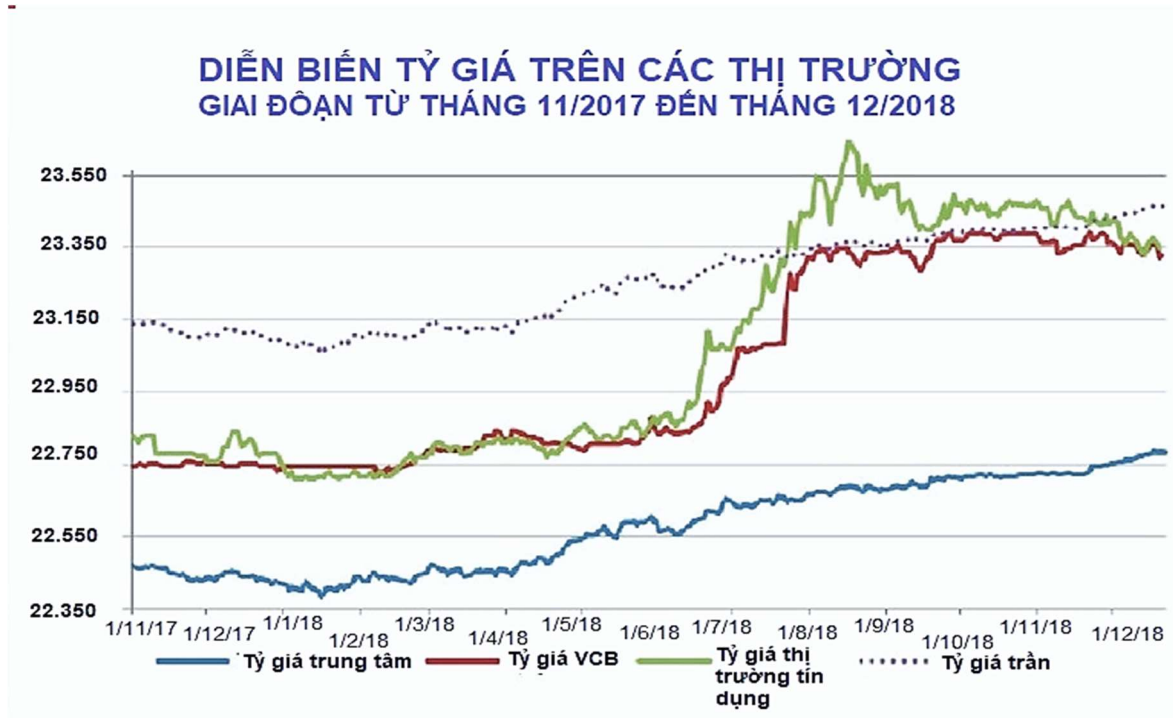
Đơn vị: tỷ USD



BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ VÀ LÃI SUẤT NĂM 2018

Tỷ giá VND/USD tăng 2,7% so với thời điểm đầu năm 2018

Tính đến thời điểm cuối năm 2018, đồng Việt Nam đã mất giá khoảng 2,7% so với thời điểm đầu năm. Mức biến động này khá thấp so với các đồng tiền khác trong khu vực so với USD: Cam-pu-chia (-0,1%), Thái Lan (-1,1%); Việt Nam (-2,7%); Lào (-2,9%); Malaysia (-3,3%); Philippine (-4,8%); Indonesia (-5,1%); Myanmar (-14,5%).



Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay tương đối ổn định

Theo thống kê từ Ngân hàng Nhà nước, lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng trong năm 2018 tương đối ổn định. Hiện tại, lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,6 – 7,3%, lãi suất huy động bằng USD ở mức 0% với tiền gửi của cá nhân và tổ chức. Lãi suất cho vay bằng VND ở mức 6,0 – 9,0% trong ngắn hạn, 9,0 – 11% đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay bằng USD phổ biến từ 2,8 – 6,0% .



Tình hình NGÀNH THÉP VIỆT NAM NĂM 2018

Đánh giá chung

Tính chung cả năm 2018, tình hình sản xuất và bán hàng các sản phẩm thép đều tăng so với cùng kỳ năm.

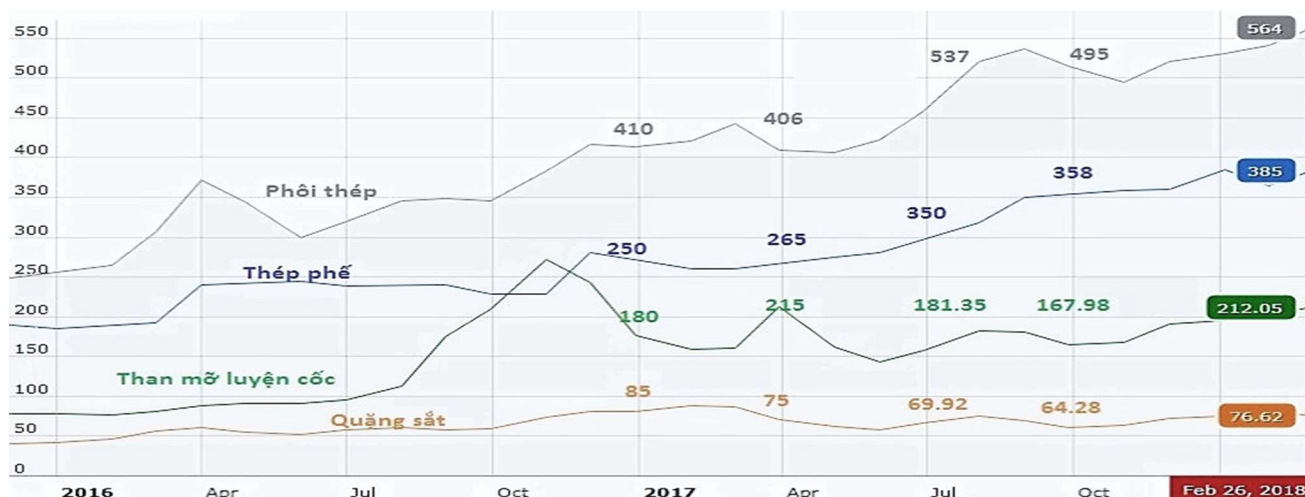
Thép thành phẩm các loại Sản xuất đạt 24.194 ngàn tấn, tăng 14,9% so với cả năm 2017; Bán hàng đạt 21.745 ngàn tấn, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, xuất khẩu đạt 4.755 ngàn tấn, tăng 26,6% so với cùng kỳ 2017. Tuy nhiên, nếu loại trừ tăng trưởng của HRC thì sản xuất & bán hàng thép thành phẩm các loại chỉ tăng lần lượt 5% và 10%, cụ thể như sau

TỔNG HỢP SẢN XUẤT – BÁN HÀNG CÁC SẢN PHẨM THÉP

STT	Ngành hàng	Năm 2018		Năm 2017		% so với cùng kỳ	
		Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Sản xuất (tấn)	Bán hàng (tấn)	Sản xuất (%)	Bán hàng (%)
1	Thép xây dựng	10.084.010	9.996.543	9.216.949	9.120.731	109,4	109,6
2	Ống thép	2.373.945	2.375.175	2.218.375	2.201.812	107,0	107,9
3	Tôn mạ KL và SPM	4.431.616	3.833.588	4.417.606	3.500.575	100,3	109,5
4	Thép cán nguội	3.866.261	2.224.753	3.824.782	1.995.012	101,1	111,5
5	Tôn cuộn cán nóng	3.438.503	3.315.002	1.378.129	1.170.327	249,5	283,3
Tổng cộng		24.194.335	21.745.061	21.055.841	17.988.457	114,9	120,9

Diễn biến giá nguyên liệu Phôi thép:

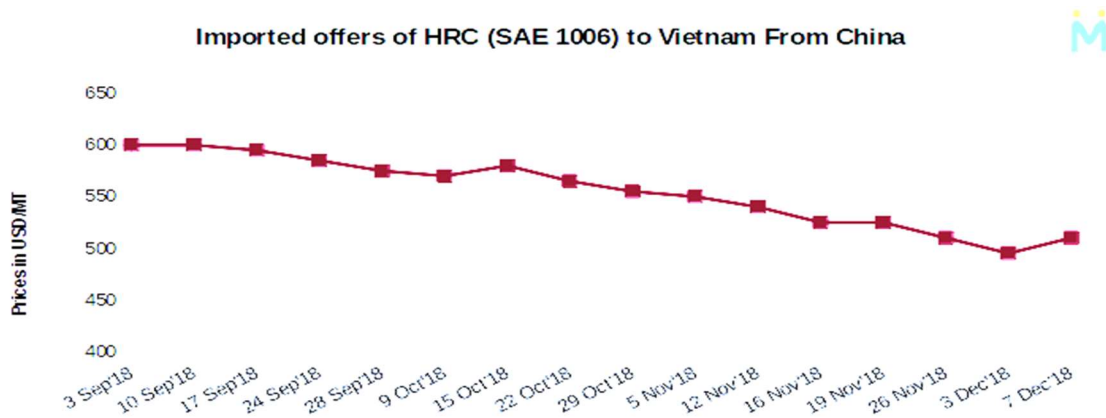
Giá phôi thép ngày 8/1/2019 ở mức 458-462 USD/T, tăng 2 USD/tấn so với thời điểm đầu tháng 12/2018. So với mức giá đầu năm 2018, mức giá hiện tại giảm khoảng 50 USD/tấn. Trước đó, mức giá giao dịch phôi thép cao nhất được ghi nhận vào giữa tháng 3/2018, mức giá hiện tại đã giảm hơn 100 USD/Tấn.



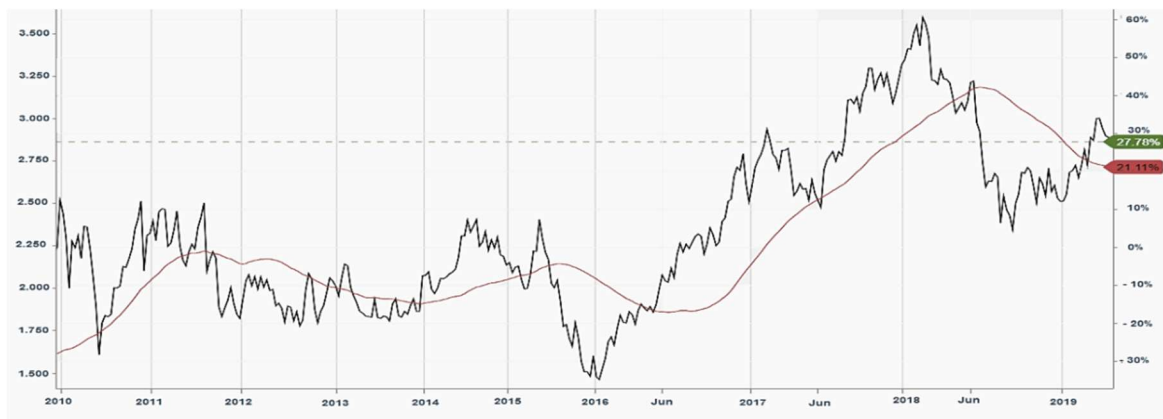
Diễn biến giá nguyên liệu Thép cuộn cán nóng (HRC):

Giá HRC đầu tháng 8/1/2019 ở mức 484 USD/T, CFR cảng Đông Á, giảm ~5USD/tấn với đầu tháng 12/2018. Mức giá HRC giảm liên tiếp trong quý IV lại đây, với tổng mức giảm là ~ 80-85USD/tấn, sau mức giá đạt cao nhất được ghi nhận là ~620 USD/Tấn vào hồi đầu tháng 3. So với đầu năm 2018, giảm khoảng 100USD/tấn

Diễn biến giá HRC năm 2018



Diễn biến giá kẽm năm 2018



Đánh giá Tình hình sản xuất - bán hàng Ống thép

Năm 2018 Sản xuất Ống thép đạt 2.373.945 tấn, tăng 7% so với năm 2017. Bán hàng đạt 2.375.175 tấn, tăng 7,9% so với năm trước, trong đó lượng xuất khẩu đạt 334.743 tấn, tăng 23% so với năm 2017

Đánh giá Tình hình sản xuất - bán hàng thép xây dựng

Tính chung cả năm 2018, sản xuất thép xây dựng đạt 10.084 ngàn tấn, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2017. Bán hàng đạt 9.996 ngàn tấn, tăng 9,6% so với cùng kỳ.

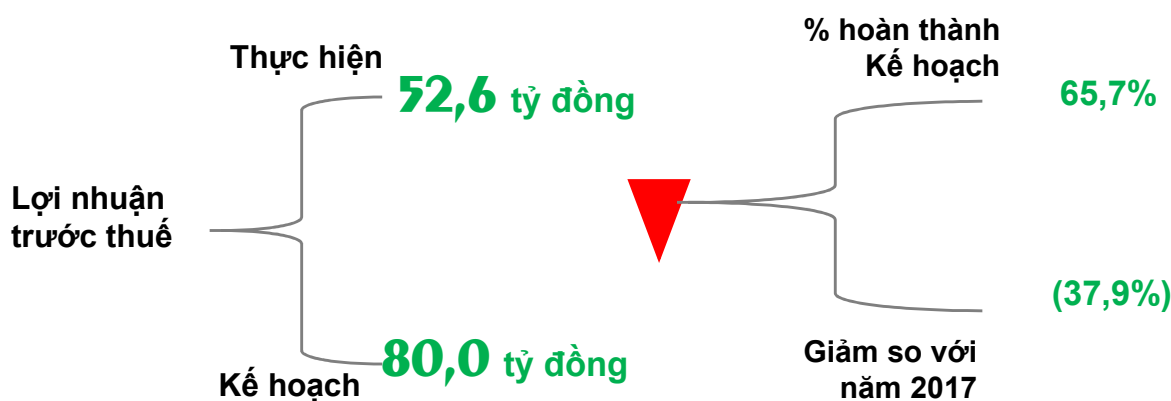
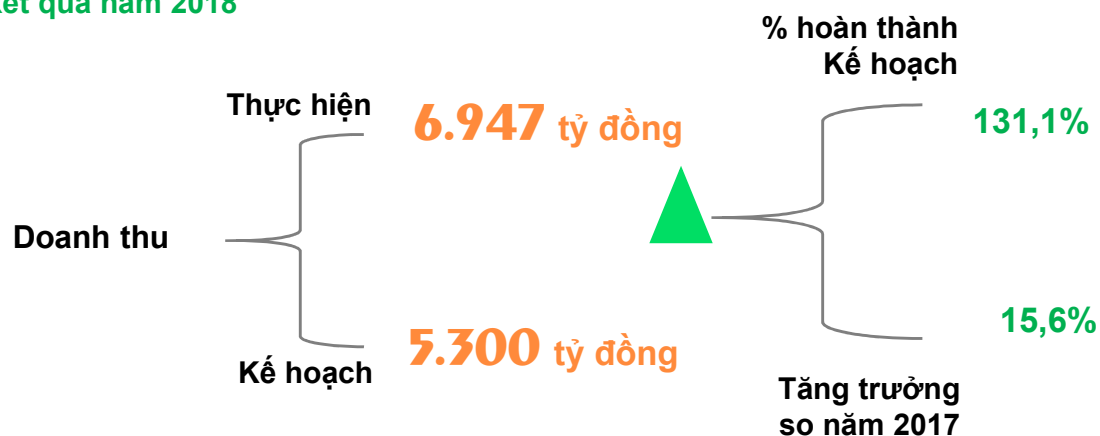
Thị phần các nhà sản xuất thép xây dựng trong nước:

Tính chung cả năm 2018, top 6 về thị phần các doanh nghiệp sản xuất thép dài: Hòa Phát (23,79%); VNSteel (17,19%); Pomina (9,8%); POSCO SS (9,09%) và Vinakyoei (8,31%) và Thép Việt Đức (5,1%).

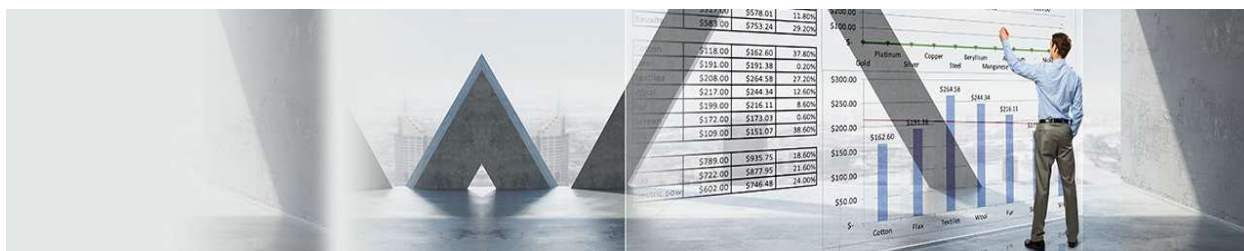
Các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bán hàng cao trong năm 2018 như: Shengli ~28%; Thép Úc SSE ~20,43%; Thép Việt Đức ~19,47%, và Hòa Phát ~9,03%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng không đồng đều ở các khu vực: Miền Nam dẫn đầu với mức **tăng 7,05%**, trong khi miền Bắc và miền Trung tăng 6%. Xuất khẩu thép xây dựng tăng 33,2%.

Đánh giá KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Kết quả năm 2018



Mặc dù Lợi nhuận năm 2018 chưa hoàn thành Kế hoạch đề ra, nhưng trước những yếu tố bất lợi của thị trường trong thời gian qua, kết quả đạt được của VG PIPE đáng khích lệ so với mức chung của toàn ngành. Những kết quả này đã phần nào phản ánh được sự đầu tư bài bản và xác định Chất lượng là yếu tố quan trọng trong sự phát triển lâu dài của mỗi doanh nghiệp. Điều này được khẳng định rõ trên thị trường cũng như phản ánh thông qua Doanh thu bán hàng luôn luôn tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước.



Tình hình tài chính hợp nhất của Công ty

Vốn chủ sở hữu 626,8 tỷ đồng tăng 6,4% so năm 2017. Năm 2018 đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017 và niêm yết bổ sung cổ phiếu trong Quý I năm 2019. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty hiện nay là 42.111.589 cổ phiếu.

Tổng tài sản 1.420 tỷ đồng giảm 17,8% năm 2017 là do hàng tồn kho giảm vì cuối năm giá biến động nhiều nên Công ty hạn chế hàng tồn kho.

Tổng vay ngắn và dài hạn tại 31/12/2018 là 464,5 tỷ đồng. Hệ số vay nợ ngân hàng trên vốn chủ sở hữu ở mức 0,74 lần đây là hệ số khá an toàn cho Công ty.



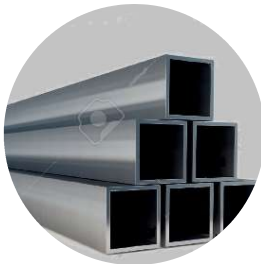
1 XÂY DỰNG DỰ ÁN VĂN PHÒNG VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI

Năm 2018 Công ty đã triển khai xây dựng Dự án Văn phòng và Trung tâm Thương mại tại Thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội. Dự kiến sẽ đi vào hoạt động Quý IV/ 2019. Tổng diện tích xây dựng gồm khối nhà 07 tầng và 01 tầng hầm, tổng diện tích sàn khoảng 13.000m². Hiện toàn bộ diện tích này đã ký cho thuê lấp đầy 100%



2 TRIỂN KHAI DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ VIỆT ĐỨC LEGEND CITY GIAI ĐOẠN 1

Năm 2018 Công ty tập trung thực hiện công tác GPMB Dự án giai đoạn 1 đạt 90% và đã làm các thủ tục xin điều chỉnh quy hoạch 1/500; Phê duyệt kiến trúc cảnh quan và phân khu của Dự án. Giai đoạn 1 sẽ thực hiện 25ha, bao gồm: 204 căn nhà liền kề; 198 căn biệt thự; 07 tòa nhà cao tầng xã hội và các công trình hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ của dự án.



3 ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM ĐỐI VỚI ỐNG HỘP CÓ ĐƯỜNG KÍNH LỚN

Với mục tiêu phát triển bền vững, ngoài nâng cao Chất lượng hệ thống, chất lượng quản lý và Chất lượng sản phẩm ra thì việc đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng cho nhu cầu thị trường năm 2018 Công ty đã đầu tư thêm cho dòng sản phẩm Ống vuông 100 x 100mm; 150 x 150mm và ống hộp 100 x 150mm. Đây là dòng sản phẩm mà Miền Bắc chỉ có 2 Nhà máy có thể sản xuất được.



4 ĐẠT TIÊU CHUẨN QUNR LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY

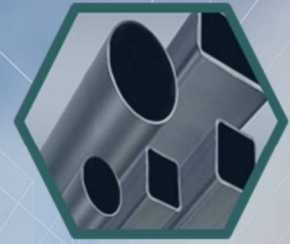
Để khẳng định hình ảnh, vị thế và trách nhiệm của Công ty với môi trường, ngày 15/12/2018 Thép Việt Đức đã được Liên hiệp các hội về Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cấp Giấy chứng nhận ISO 14001:2015 về Hệ thống Quản lý Môi trường.



5 MỞ RỘNG DỰ ÁN THÉP CHÉ TẠO TẠI CÔNG TY CP SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC (Công ty liên kết)

Nhằm đáp ứng nhu cầu cho Hoạt động SXKD của mình cũng như nhu cầu của xã hội. Công ty đã thực hiện mở rộng dự án Thép chế tạo với quy mô gần 4ha để xây dựng nhà điều hành, nhà phụ trợ và hệ thống nhà kho.

Ống thép Việt Đức nằm vào TOP 5 đơn vị sản xuất và Tiêu thụ trong nước lớn nhất tại Việt Nam. Thị phần chiếm 6,7%/Tổng sản lượng Ống thép trong nước.



6,7%

Vị thế Thép Việt Đức



TRÊN THỊ TRƯỜNG
VIỆT NAM

5,1%

TOP



Thép xây dựng Việt Đức nằm vào TOP 6 đơn vị sản xuất và Tiêu thụ trong nước lớn nhất tại Việt Nam. Thị phần chiếm 5,1%/Tổng sản lượng thép xây dựng trong nước.

Đánh giá HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA VG PIPE



Về Công tác sản xuất

Thay thế lắp đặt lại hệ thống dây chuyền sản xuất thép cuộn, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

Cải tạo lại hệ thống dây chuyền ống mạ kẽm và một số dây chuyền ống thép để nâng cao năng suất sản xuất chất lượng sản phẩm. Nâng cấp thường xuyên hệ thống máy móc thiết bị, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm. Ý thức tiết kiệm trong sản xuất được nâng cao.

Về Công tác kinh doanh

Đã mở rộng được thị trường dân dụng đối với thép xây dựng. Gây dựng được niềm tin đối với khách hàng. VG PIPE khẳng định thương hiệu Thép Việt Đức trên thị trường. Ống thép nằm trong TOP 5, Thép xây dựng TOP 6 nhà sản xuất và tiêu thụ lớn nhất tại Việt Nam.

Mạng lưới khách hàng được phủ khắp Bắc - Trung - Nam. Chủ động mở rộng thị trường, nâng cao sản lượng bán hàng. Công tác Marketing, quảng bá thương hiệu được phát huy hiệu quả.

Về Công tác Kế toán

Chủ động trong việc tìm các tổ chức tín dụng có lãi suất thấp, năng lực tốt để hợp tác. Đốc thúc công nợ để thu hồi vốn nhanh, giảm chi phí tài chính. Bám sát diễn biến về lãi suất, tỷ giá của các Ngân hàng để luôn luôn đảm bảo vay được lãi suất tốt nhất. Sử dụng linh hoạt, tối ưu dòng tiền trong sản xuất kinh doanh tránh thất thoát, lãng phí.

Công tác lao động tiền lương

Sắp xếp lại nhân sự trong công ty nham nâng cao hiệu quả trong công việc, chăm lo đời sống cho CBCNV như nâng lương, đóng BHXH, BHYT,...bảo hiểm con người kết hợp 24/24. Triển khai tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy HĐSXKD gọn nhẹ, hiệu quả

Công tác đầu tư

Triển khai xây dựng Dự án Văn phòng và Trung tâm Thương mại tại Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội. Dự kiến sẽ hoàn thành đi vào hoạt động Quý IV/2019.

Triển khai việc Giải phóng mặt bằng cho Dự án Việt Đức Legend City giai đoạn 1 đã đạt 90%. Hiện đang thực hiện san lấp mặt bằng. Đã được UBND Tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 1/500 của Dự án và hiện đã thực hiện xong hồ sơ thiết kế cảnh quan, dự kiến sẽ khởi công vào đầu năm 2020.

Hệ thống quản lý

Thường xuyên nâng cao năng lực hệ thống quản lý, duy trì thực hiện và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý chất lượng. Đã chuyển đổi thành công phiên bản hệ thống ISO 9001-2008 lên phiên bản 9001-2015.

Thép Việt Đức đã được Liên hiệp các hội về Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cấp Giấy chứng nhận ISO 14001:2015 về Hệ thống Quản lý Môi trường

Đánh giá chung kinh tế năm 2019

Thuận lợi

Kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng của năm trước nhờ sự hồi phục của các nền kinh tế lớn, dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 đạt 3,77%, thấp hơn so với mức 3,83% của năm 2018. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy nhanh tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và các đối tác. Kết quả tăng trưởng khả quan trong năm 2018 là điều kiện thuận lợi, tạo đà cho tăng trưởng năm 2019.

Kinh tế vĩ mô về cơ bản vẫn được đảm bảo, lạm phát được dự báo trong tầm kiểm soát, thanh khoản hệ thống ngân hàng được duy trì tốt, dự trữ ngoại hối được duy trì ở mức cao là căn cứ để đảm bảo tỷ giá và lãi suất không có biến động quá lớn là điều kiện thuận lợi ổn định kinh tế vĩ mô giúp cho tăng trưởng kinh tế 2019.

Môi trường kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ hơn khi Việt Nam buộc phải thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP về cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời Chính phủ đang nỗ lực “kiến tạo” để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp phát triển.



Khó khăn

Kinh tế có thể bị tác động tiêu cực từ các biến động của kinh tế thế giới, trong đó nổi bật là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Mô hình tăng trưởng mặc dù có sự cải thiện song chưa rõ rệt, tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào các nguồn lực như vốn đầu tư và tín dụng, trong khi chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực này chưa cao.

Chất lượng lao động chưa được cải thiện cùng năng lực khoa học - công nghệ ở mức thấp có thể ảnh hưởng tới lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế và khả năng thu hút các dòng vốn tới Việt Nam. Công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành đã có tăng trưởng ấn tượng trong thời gian qua nhưng đang có xu hướng tăng chậm lại.

Xuất khẩu đối mặt với nhiều khó khăn khi mà các chính sách bảo hộ thương mại của nhiều đối tác lớn chính thức áp dụng với nhiều hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Giá của các nhóm hàng y tế, giáo dục, điện, nước đã được chính phủ sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng làm tăng chi phí sản xuất và tiêu dùng, từ đó làm giảm sức mua trong nước, đồng thời gây áp lực gia tăng lạm phát.



Kế hoạch triển khai năm 2019

Năm 2019 vẫn còn nhiều thách thức như giá nguyên nhiên liệu xu hướng tăng, giá bán lại chiều hướng giảm do phải cạnh tranh gay gắt.

Đồng thời sẽ dốc toàn bộ tài chính để triển khai dự án Việt Đức Legend City nên Vốn dùng cho hoạt động SXKD chủ yếu sẽ là đi vay từ các tổ chức tín dụng. Điều này sẽ tăng chi phí tài chính trong năm.

Về công tác Đầu tư:

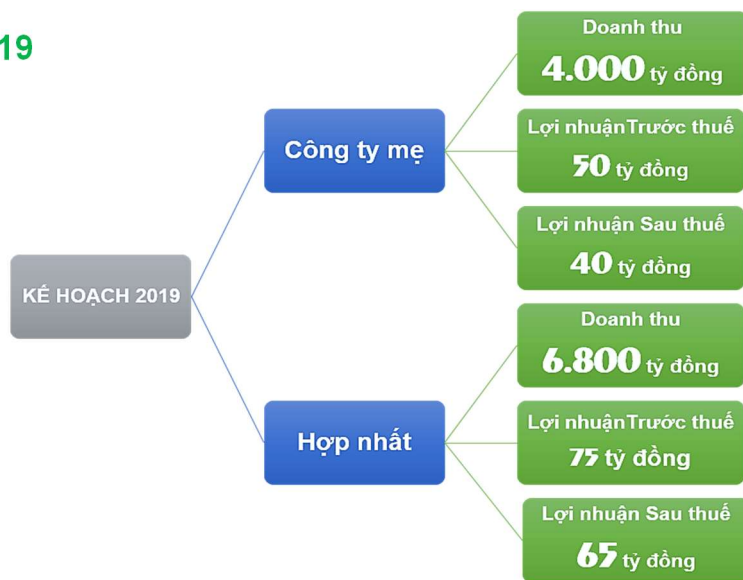
Năm 2019 sẽ tập trung triển khai Dự án Văn phòng và Trung tâm Thương mại tại Mê Linh sẽ phần đầu hoàn thành xong trước Quý IV của Công ty và sẽ dự kiến cho thuê lấp đầy 100% vào đầu năm 2020.

Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City: Sẽ phần đầu hoàn thành công tác GPMB và san lấp nền. Làm các thủ tục hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án cũng như hồ sơ Đền bù GPMB gửi cho UBND Tỉnh để quyết toán. Dự kiến sẽ khởi công Dự án trong Quý IV năm 2019 và Quý I năm 2020.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Quản trị điều hành:

Triển khai quản lý SXKD theo phương pháp quản lý, điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để, tạo ra cơ chế quản lý thông thoáng cho các đơn vị, đáp ứng cho quy mô lớn, phát triển ổn định. Duy trì và nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát việc thực hiện kế hoạch, phần đầu kế hoạch hóa tối đa các hoạt động SXKD.



Quản trị tổ chức, nhân sự:

Kiến toàn cơ cấu tổ chức phù hợp tình hình SXKD thực tế trên cơ sở đúng người, đúng việc để cá nhân phát huy sở trường, nâng cao năng lực điều hành quản lý và tổ chức SXKD từng đơn vị. Tăng cường kỷ luật lao động, từ cán bộ nhân viên các phòng ban đến các phân xưởng, tổ, đội. Xây dựng ý thức tiết kiệm đối với cán bộ công nhân viên, khuyến khích nhân viên tham gia vào quản lý chi phí.

Quản trị hoạt động bán hàng

Đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Mở rộng mạng lưới bán hàng, nâng cao năng lực quản trị: Xây dựng thêm hệ thống kênh phân phối trên nguyên tắc an toàn về tài chính, không phát triển tràn lan theo chiều rộng mà tập trung phát triển theo chiều sâu.

Xây dựng chính sách giá bán linh hoạt, hướng ra thị trường, lấy giá thị trường làm chuẩn để xác định giá bán.



Báo cáo
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!



CÔNG TÁC THỰC HIỆN NĂM 2018
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2019

Đánh giá

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018

Đánh giá về nền kinh tế và ngành thép Việt nam năm 2018



Năm 2018 là năm thành công toàn diện của kinh tế Việt Nam, khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra; bên cạnh đó là nhiều con số tăng trưởng ấn tượng và đáng chú ý như:

Tăng trưởng GDP trong năm 2018 đạt mức kỷ lục 7,08%, ghi nhận tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua. Lạm phát được kiểm soát thành công ở mức 3,54%, đạt 89% so với kế hoạch 4%.

Tuy nhiên, năm 2018 cũng là năm gặp rất nhiều khó khăn đối với nền kinh tế Việt nam nói chung và ngành thép nói riêng, cụ thể:

Năm 2018, ngành thép chứng kiến những biến động bất thường, đối mặt với một giai đoạn khó khăn, bất ổn.

Diễn biến giá thép nguyên liệu trong năm 2018 biến động khó lường gây ảnh hưởng đáng kể đến giá vốn đầu vào của các doanh nghiệp.

Thị trường nội địa cạnh tranh khốc liệt khi công suất sản xuất trong nước đang dư thừa và các doanh nghiệp thép chuyển hướng tập trung vào thị trường nội địa.

Điều này làm cho nguồn cung trên thị trường tăng mạnh trong khi nhu cầu không cao làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp cùng ngành.

Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động VG PIPE năm 2018

Trước những khó khăn do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước và những khó khăn của ngành thép, Hội đồng quản trị đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, định hướng phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, đề ra nhiều giải pháp quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Về sản lượng bán hàng đối với các mặt hàng mà Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết trực tiếp sản xuất ra vẫn được giữ vững, có tăng trưởng hơn so với năm 2017 Cụ thể:

Đối với Ống thép (Công ty mẹ): Năm 2018 sản lượng sản xuất đạt **167.350 tấn**; bán hàng đạt **159.220 tấn**, tăng trưởng **11,7%** so cùng kỳ năm 2017, chiếm **6,7%** thị phần cả nước và đứng thứ 5 các nhà máy sản xuất Ống thép có lượng hàng tiêu thụ trong nước lớn nhất Việt Nam.

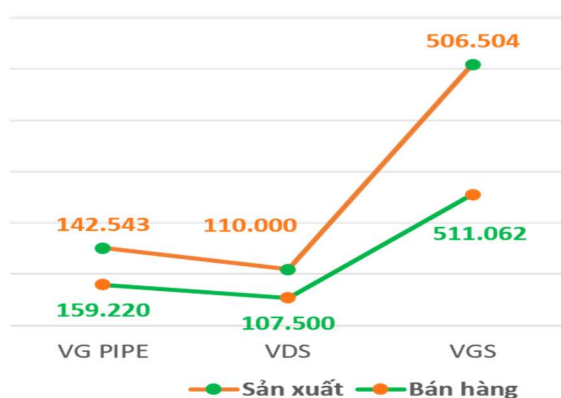




Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động VG PIPE năm 2018 (tiếp)

Đối với mặt hàng thép xây dựng (Công ty liên kết): Năm 2018 sản lượng sản xuất đạt **506.504 tấn**; bán hàng đạt **511.062 tấn**, tăng trưởng **19,5%** so cùng kỳ năm ngoái, chiếm **5,1%** thị phần cả nước và đứng thứ 5 các nhà máy sản xuất Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam.

Đối với mặt hàng Tôn mạ (Công ty con): Năm 2018 sản lượng sản xuất Tôn mạ đạt **110.000 tấn**; bán hàng đạt **107.500 tấn**, tăng trưởng **21,5%** so cùng kỳ năm 2017.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Trải qua một năm 2018 với rất nhiều sự kiện trong nước cũng như quốc tế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT càng đánh giá cao nỗ

lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.

Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT.

Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty với khách hàng.

Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty thành viên sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.



Công tác quan hệ cổ đông:

Với quan điểm minh bạch, cởi mở và thông tin kịp thời nhất cho cổ đông, nhà đầu tư, Thép Việt Đức luôn chủ động trong hoạt động công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Thép Việt Đức thường xuyên thực hiện nhiều hoạt động khác nhằm thỏa mãn các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các chuyên viên Quan hệ cổ đông duy trì sự tương tác thường xuyên với các cổ đông, nhà đầu tư thông qua các sự kiện như Đại hội cổ đông thường niên, gặp gỡ nhà đầu tư để trao đổi kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, các cuộc gặp với chuyên gia phân tích, tổ chức nhà đầu tư trong nước và ngoài nước thông qua hình thức gặp gỡ trực tiếp, hội nghị truyền hình, email, điện thoại.

Tình hình sản xuất, tiêu thụ hàng tháng hay tiến độ các dự án đều được Công ty đăng tải thường xuyên trên website của Công ty và các phương tiện truyền thông đại chúng. Các hoạt động này đã giúp các cổ đông nắm bắt thông tin kịp thời, đưa ra những góp ý với ban điều hành nếu có.

Bên cạnh thúc đẩy sản xuất kinh doanh, Việt Đức sẽ tiếp tục đẩy mạnh quan hệ nhà đầu tư hơn nữa, tăng cường tương tác với các cổ đông thông qua gặp gỡ, tổ chức các chuyến thăm quan dự án, hoạt động xã hội khác... qua đó làm tăng thêm uy tín của Công ty với các cổ đông, nhà đầu tư của Công ty nói riêng và cộng đồng xã hội nói chung



Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HDQT đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 để thông qua một số vấn đề cho việc thực hiện HĐSXKD năm 2018 của Công ty.

HDQT đã tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản 02 lần với mục đích Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông từ nguồn Lợi nhuận sau thuế và Thay đổi một số nội dung trong Điều lệ của Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và theo thực tế tại Công ty.

Năm 2018 HDQT cũng đã tổ chức 07 cuộc họp, Các cuộc họp đều có sự tham gia, chứng kiến của Ban kiểm soát công ty. Các cuộc họp đều được trao đổi, thảo luận và bàn bạc dân chủ, thẳng thắn, có biên bản, nghị quyết theo đúng tinh thần nội dung cuộc họp.

Các thành viên HDQT, Ban kiểm soát đều được Ban điều hành thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của Công ty.



Các nghị quyết/quyết định đều dựa trên sự nhất trí và đồng thuận cao của tất cả thành viên HDQT trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Đánh giá chung: HDQT hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ và luật doanh nghiệp. HDQT đã tập trung thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, trung thực, tiếp tục hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch hoạt động, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Với thuận lợi tất cả các thành viên HDQT đều am hiểu sâu về lĩnh vực hoạt động SXKD, các thành viên HDQT có nhiều buổi thảo luận, họp HDQT mở rộng và kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công ty cũng như các biến động của tình hình kinh tế.

HDQT và Ban điều hành phối hợp tốt trong công tác quản lý, điều hành Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu trong sản xuất và kinh doanh.

Kế hoạch

HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2019

**Đánh giá nền kinh tế năm 2019**

Năm 2018 chứng kiến cuộc chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc với những biện pháp bảo hộ - trả đũa qua lại giữa các nền kinh tế lớn đe dọa gây ra những tác động đáng kể đối với nền kinh tế trong nước.

Tình hình trong nước dù có một số dấu hiệu tích cực như: GDP duy trì mức tăng trưởng tốt; Hội nhập quốc tế diễn ra sâu rộng trên nhiều lĩnh vực; Hiệp định CPTPP được ký kết và phê chuẩn trong năm 2018 hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế của đất nước. Tuy nhiên bất chấp những nỗ lực khắc phục, ngăn chặn từ các Cơ quan chức năng, sản phẩm thép kém chất lượng, giá rẻ vẫn tiếp tục được nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam thông qua nhiều phương thức gian lận, thiếu minh bạch, đe dọa tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước.

Nhiều chuyên gia phân tích không đánh giá tích cực triển vọng của ngành thép trong năm 2019. Với việc bảo hộ thương mại đang gia tăng tại nhiều quốc gia/khu vực, giá thép nhiều khả năng sẽ bị phân hóa đối với các khu vực.

Thêm vào đó, Trung Quốc đã cơ bản hoàn thành kế hoạch cắt giảm công suất và hiện tại đang nói lỏng các tiêu chuẩn môi trường đối với sản xuất thép. Cộng với việc nguồn cung thép Việt Nam tăng lên khá mạnh, giá thép sẽ chịu áp lực giảm giá khá lớn trong năm 2019.

Nhìn nhận những khó khăn hiện tại là một cơ hội để mỗi doanh nghiệp hoạch định chiến lược tồn tại và phát triển nâng cao giá trị doanh nghiệp một cách bền vững thông qua việc khẳng định tiềm lực tài chính vững mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng trưởng bền vững - hiệu quả.

Các hoạt động năm 2019 HĐQT sẽ tập trung thực hiện

Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển kinh doanh;

Củng cố và nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm. Sẽ lấy chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ trước và sau bán hàng làm thế mạnh của mình để cạnh tranh và khẳng định vị thế Công ty trên thị trường.

Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao hơn nữa vai trò của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 mà ĐHCĐ giao.

Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình trong nước và thế giới.

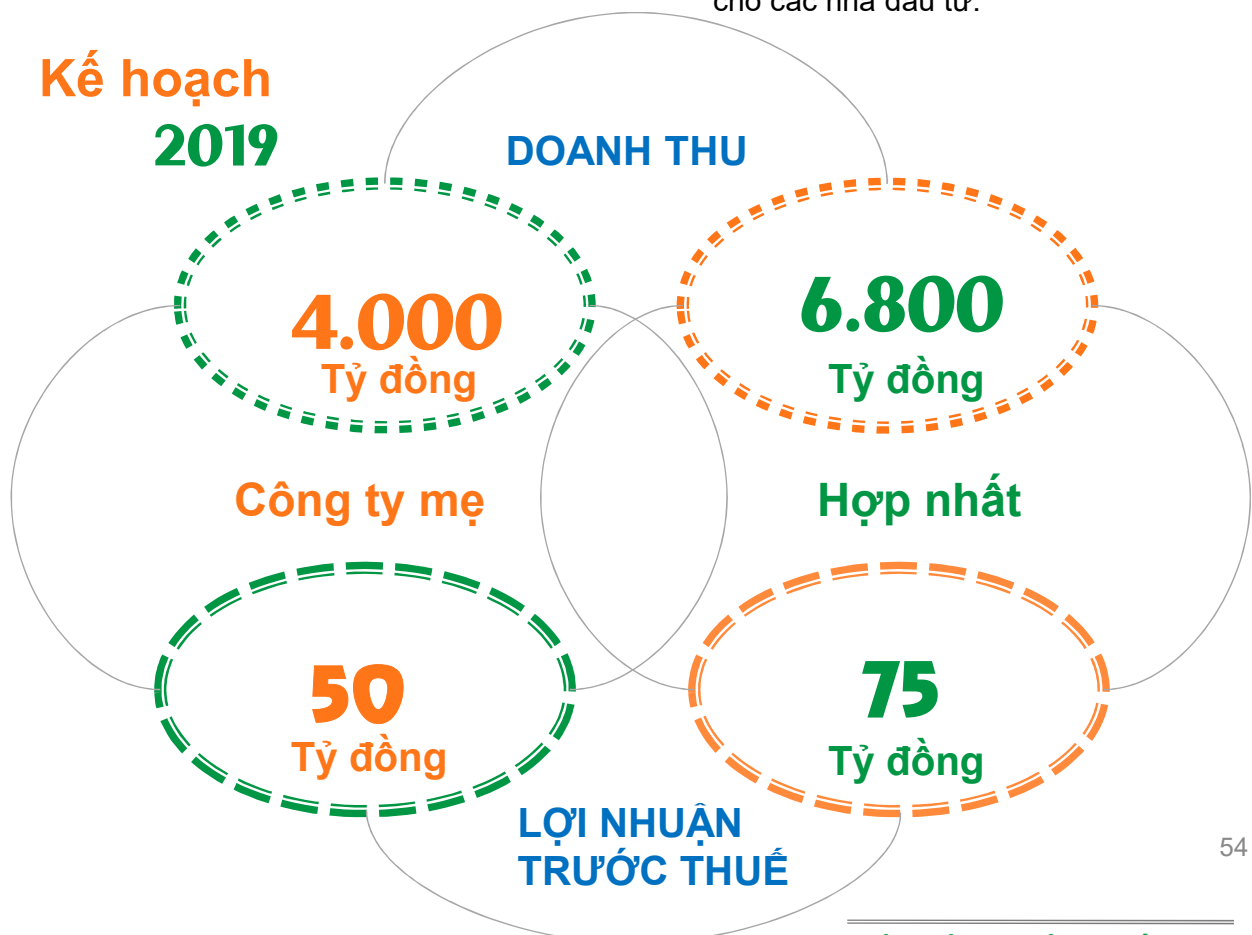
Tăng cường công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

Công tác đầu tư:

HĐQT tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoàn thiện dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh. Dự kiến đầu Quý III/2019 sẽ đi vào hoạt động.

HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc triển khai tiếp tục công tác GPMB và hạ tầng của Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City giai đoạn 1. Dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào Quý I/2020

Sẽ cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các hình thức huy động nguồn tiền để phục vụ cho việc triển khai dự án khu đô thị Việt Đức Legend City trên cơ sở đem lại hiệu quả tốt nhất cho công ty và cho các nhà đầu tư.





Báo cáo
BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo BAN KIỂM SOÁT



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động

Ban kiểm soát năm 2018

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động như sau:

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty; Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.; Giám sát việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh so Kế hoạch đã được giao.

Tham gia các buổi họp của HĐQT; Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho BCTC năm 2018; Kiểm soát Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2018; Trao đổi với kế toán độc lập về Kết quả kiểm toán BCTC năm 2018

Kiểm tra, giám sát công tác kiểm kê bán niên và năm 2018; Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán.

Nhìn chung, năm 2018 sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đều thực hiện và tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế đã ban hành

Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát

Năm 2018 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp vi phạm nào trong hoạt động của Công ty. Các hoạt động Sản xuất Kinh doanh đều được tuân thủ theo đúng Luật doanh nghiệp; Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được diễn ra đúng trình tự tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Các nghị quyết của HĐQT đều bám sát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Các cán bộ quản lý thực hiện đúng theo quy định của Công ty.

Công tác đầu tư, xây dựng: Năm 2018 Công ty thực hiện triển khai song song 2 dự án: (1) Dự án Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh, dự kiến sẽ đi vào hoạt động cuối năm 2019 và (2) Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City hiện đang hoàn tất thủ tục đền bù GPMB.



Các hợp đồng kinh tế ký kết được thực hiện đúng theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ của Công ty.

Công ty đã thực hiện và được cấp Giấy chứng nhận ISO 14001-2015 Hệ thống quản lý chất lượng môi trường;

Công tác tài chính kế toán: được tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán hiện hành;

Tình hình chấp hành pháp luật về thuế, quan hệ với NSNN: công tác kê khai, nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

Công tác công bố thông tin: tuân thủ quy định về TT đối với Công ty niêm yết, được thực hiện đúng, đầy đủ.

Công tác quản lý công nợ và bảo toàn vốn: trong năm không có nợ khó đòi.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

Báo cáo tài chính năm 2018 được lập theo Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018.

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của cơ quan hữu quan và nhà đầu tư;

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính. Trong báo cáo tài chính không có ngoại trừ của Công ty kiểm toán..

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2018 của Công ty kiểm toán

Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý:

Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và Công ty con khi có yêu cầu.

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc được thực hiện chặt chẽ đồng bộ theo sát chủ trương của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Mọi thông tin điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đều được cung cấp cho Ban kiểm soát nhằm thực hiện tốt vai trò giám sát của mình.





Một số khuyến nghị của Ban kiểm soát:

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho cổ đông để quyết định các chính sách điều hành Công ty, trong năm 2019 Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty thực hiện một số nội dung sau:

Rà soát lại hệ thống chính sách đã ban hành trong Công ty nhằm tránh các rủi ro về pháp lý.

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát số liệu, việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường ATLĐ, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình của Công ty cho phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sắp xếp nhân lực cho các dự án phù hợp để bộ máy của công ty tinh gọn, góp phần giảm chi phí cho Công ty

Tính toán dòng tiền cụ thể chi tiết và khoa học, cân đối nguồn vốn, lãi suất hợp lý tối đa hóa hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Có chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực hiện tại, nhằm ổn định nhân lực mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2019 như sau:

Giám sát việc chấp hành các qui định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Giám sát việc thực thi và soát xét nội dung công bố thông tin của Công ty đảm bảo tính kịp thời, minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển BỀN VỮNG



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ

Kế thừa và phát huy thành tựu của các giai đoạn trước, đến nay, VG PIPE tiếp tục đổi mới và tái cấu trúc toàn diện hoạt động, hướng tới chất lượng, hiệu quả. VG PIPE đã đạt được những kết quả tăng trưởng tích cực, bền vững về kinh tế trên, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở lấy khách hàng làm trung tâm; nâng cao năng lực quản trị rủi ro phù hợp với quy mô tăng trưởng và mức độ phức tạp gia tăng trong hoạt động kinh doanh; chủ động hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đổi mới trong công tác quản trị nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh. Cùng với tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô và hiệu quả, VG PIPE luôn kiểm soát tốt chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu hạn chế mức tối đa.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, VG PIPE ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng mạnh về quy mô hoạt động, tạo lợi thế vững chắc về uy tín, thương hiệu, mạng lưới, nền tảng khách hàng.

Hoạt động kinh doanh theo hướng tập trung tăng trưởng chất lượng, hiệu quả, an toàn, gắn với chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu khách hàng, ngành hàng.

VG PIPE luôn đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển bền vững và quản trị rủi ro hiệu quả, đồng thời chú trọng công tác thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, triển khai

đồng bộ nhiều giải pháp, biện pháp nhằm kiểm soát và tiết giảm chi phí, quản trị chi phí chặt chẽ, hiệu quả thông qua nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, phân bổ chi phí, công tác giao kế hoạch gắn với quản trị hiệu quả sử dụng chi phí, theo dõi và giám sát chặt chẽ công tác sử dụng chi phí trong toàn Công ty. Với những nỗ lực phát triển bền vững về kinh tế, giá trị và sức mạnh thương hiệu ngày càng được khẳng định, nâng cao đối với công chúng, đối tác và cổ đông.

TUÂN THỦ CÁC CHUẨN MỰC VỀ MUA SẮM VÀ ĐẢM BẢO YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả mọi hoạt động của VG PIPE. Toàn bộ chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét trên 3 khía cạnh: Kinh tế – Xã hội – Môi trường.

Với lĩnh vực kinh doanh sản xuất thép Công ty có rất nhiều nhà cung cấp trong và ngoài nước để cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Công ty.

Quản trị nhà cung cấp và đối tác là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển bền vững của VG PIPE, nhà cung cấp cần phải đáp ứng nhiều tiêu chí về chất lượng, năng lực, tuân thủ quy định pháp luật và có quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Ngoài ra, nhà cung cấp cũng được VG PIPE đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn bền vững như vấn đề lao động, nhân quyền, ảnh hưởng đến mặt xã hội và đảm bảo về môi trường.





CÙNG CỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VG PIPE cần phát triển một bộ máy quản trị gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị, kiện toàn bộ máy là một trong những chiến lược trọng yếu của VG PIPE để đạt được mục tiêu kinh doanh trung và dài hạn.

CÔNG BẰNG, MINH BẠCH VỚI ĐỐI TÁC

Trong quá trình làm việc với đối tác, VG PIPE luôn đề cao quy tắc công bằng, minh bạch, hài hòa lợi ích của các bên, phù hợp theo quy định hiện hành và thông lệ thị trường.

Mỗi hợp đồng ký kết giữa VG PIPE với đối tác đều có điều khoản về chống tham nhũng, đồng thời nêu rõ cơ chế xử lý đối với hành vi tham nhũng trong mọi hoạt động của VG PIPE.

PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG

Người lao động là nguồn lực và yếu tố quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội. VG PIPE xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực then chốt, tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện nhờ các phương châm, tiêu chí, chính sách và chế độ như sau:

BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI VÀ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VG PIPE trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp cho doanh nghiệp, không phân biệt quốc tịch, độ tuổi, giới tính, trình độ. VG PIPE quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả các cán bộ, nhân viên, tạo điều kiện để cán bộ, nhân viên phát huy năng lực tối đa.

CHIẾN LƯỢC TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Thu hút và chào đón tất cả những ứng viên có mong muốn và năng lực làm việc trong môi trường năng động, tốc độ, sáng tạo và hiệu quả.

Quy trình tuyển dụng công bằng, dựa trên năng lực và khả năng đóng góp. Tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của CBCNV.

Chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua việc triển khai hiệu quả chính sách đào tạo, nâng cao hiểu biết, trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên, ưu tiên tuyển dụng các vị trí lãnh đạo từ nguồn cán bộ tiềm năng nội bộ.

Khuyến khích và tài trợ cho người lao động tham dự các khóa đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển sự nghiệp của mỗi cá nhân, tạo cơ hội cho cán bộ trải nghiệm công việc khác nhau để thu nhập kiến thức thực tế.





QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC.

Chế độ làm việc

VG PIPE tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Luật Lao động.

Điều kiện làm việc

Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, VG PIPE đã bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ, nhân viên rộng rãi, khang trang. Cán bộ, nhân viên được cấp phát trang thiết bị làm việc hiện đại, được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Đối với cán bộ, nhân viên trực thuộc khối dịch vụ, Tập đoàn trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

Nội quy lao động: VG PIPE và các công ty thành viên đều rất chú trọng xây dựng Nội quy lao động theo đúng quy định Pháp luật.

Chế độ phụ cấp: Phụ cấp điện thoại di động; Phụ cấp ăn trưa; Phụ cấp xăng xe/ đi lại. Hỗ trợ phương tiện đưa đón cán bộ, nhân viên.



Lương và bảo hiểm, phúc lợi.

VG PIPE luôn duy trì mức lương cho cán bộ, nhân viên cao hơn so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường.

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty còn mua bảo hiểm con người kết hợp 24/24 cho toàn thể CBCNV trong Công ty

Công ty còn tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như sinh nhật, kết hôn, sinh con; được thăm hỏi, tặng quà khi ốm đau, vào các dịp lễ.

Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể; tổ chức cho cán bộ, nhân viên cùng gia đình đi tham quan, nghỉ mát.

Khen thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập, thể thao, nghệ thuật;

Khen thưởng: VG PIPE đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng tại tất cả các cơ sở, theo đó mọi cán bộ, nhân viên có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của bộ phận đều phải được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.





AN SINH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

VG PIPE luôn coi trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực. VG PIPE thực hiện trách nhiệm đối với người lao động chủ yếu dựa trên 3 yếu tố:

An toàn, sức khỏe

Ngoài việc tuân thủ chế độ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, VG PIPE còn chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV Công ty. Bên cạnh đó, VG PIPE tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy sơ cứu - cấp cứu, vệ sinh - an toàn thực phẩm.

Đảm bảo công bằng

Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. Tại VG PIPE, chúng tôi ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.

Cơ hội phát triển.

Tại VG PIPE công việc được sắp xếp, phân công sao cho phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên quý giá của con người, từ nhiều năm qua, VG PIPE luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi sinh nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường trong sản xuất của Công ty.

Quá trình xây dựng, Công ty Cổ phần sản xuất thép Việt Đức sẽ tiến hành áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động. Tuy nhiên, ở giai đoạn này không tránh khỏi những tác động tới môi trường mang tính nhất thời như:

Bụi và tiếng ồn do quá trình đào đất xây nền móng nhà xưởng. Tiếng ồn do động cơ chuyên chở đất đá, nguyên vật liệu xây dựng; Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

Quá trình xây dựng có thể xảy ra các sự cố như: cháy nổ, tai nạn lao động. Ô nhiễm do chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng chủ yếu là sắt vụn, gỗ, cốp pha, rác sinh hoạt.

Khí thải các phương tiện giao thông. Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt. Khí thải như: Bụi; Tiếng ồn. Chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt và dầu thải. Các nguồn chất thải này sẽ tác động đến các đối tượng như: Môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất và môi trường xã hội. Quy mô tác động chủ yếu tập trung trong khu vực thực hiện dự án.



Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Để giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:

Phòng chống ô nhiễm đầu nguồn

Tất cả các nguồn thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường đều được nhận dạng và có thiết kế hợp lý để giảm thiểu tới mức tối đa các nguồn ô nhiễm này. Đồng thời, đầu tư công nghệ và thiết bị hiện đại. Sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải.

Xử lý các chất gây ô nhiễm

Nhà máy sẽ lắp đặt hệ thống thông gió để khử bụi và hơi khí độc sinh ra các công đoạn và các vị trí sản xuất. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý nguồn nước thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý của khu công nghiệp. Nhà máy sẽ xây dựng nhà chứa chất thải rắn, quản lý chặt chẽ rác thải, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường và người lao động.

Ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt và các loại chất thải sản xuất có thể tái chế cũng như các loại chất thải phải xử lý với Công ty Môi trường đô thị.

Biện pháp giảm thiểu tác động xấu trong giai đoạn xây dựng.

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí. Tưới nước bề mặt đất trong khu vực thi công, các tuyến đường vận chuyển NVL để giảm bụi. Không dùng các xe quá cũ và không chở vật liệu rời quá đầy. Áp dụng phương pháp xây dựng hiện đại, các phương tiện thi công tiên tiến tối ưu hóa quy trình xây dựng.

Chống ồn và rung trên đường lan truyền như: sử dụng kết cấu đàn hồi, tuyệt đối không vận hành các máy móc gây tiếng ồn lớn...

Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước.

Xây dựng rãnh thoát nước, tránh ứ đọng khi mưa lớn. Không tập trung nguyên vật liệu gần các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vãi làm tắc đường thoát nước.

Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn.

Hạn chế tối đa phế thải trong khi thi công bằng cách tính toán định mức vật liệu hợp lý. Tái sử dụng các chất như xi măng, gạch vụn để san nền. Trang bị thùng rác để đựng rác thải sinh hoạt

Phế thải do máy móc thải ra như giẻ chứa dầu, cặn dầu được thu gom thùng riêng, ký hợp đồng các đơn vị chức năng định kỳ chuyên chở và xử lý





Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, cụ thể:

Công ty đã bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường để trực tiếp phụ trách các vấn đề môi trường của Công ty.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của Công ty khi dự án đi vào hoạt động.

Vận hành, bảo dưỡng liên tục hệ thống thông gió, hệ thống xử lý nước, khí thải của Công ty.

Kinh phí cho các biện pháp bảo vệ môi trường và vận hành các hệ thống xử lý chất thải được tính vào kinh phí hoạt động sản xuất của Công ty.

Việc quản lý và xử lý nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại của dự án được thực hiện theo đúng cam kết trong báo cáo ĐTM. Chủ dự án tổ chức nhân sự cho quản lý môi trường

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam cần có sự hỗ trợ lẫn nhau, liên doanh liên kết, tận dụng thế mạnh của nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh.

VG PIPE phối kết chặt chẽ với các bên liên quan cũng như những tương tác phản hồi trong quá trình hoạt động nhằm giúp Công ty xác định rõ những vấn đề mà các bên quan tâm và tính trọng yếu để tạo cơ sở cho định hướng phát triển bền vững.



Cổ đông & nhà đầu tư Chủ động công bố và minh bạch thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính thông qua báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông cáo báo chí, thông tin trên website công ty tại địa chỉ: vgpipe.com.vn, Lãnh đạo Công ty trao đổi, lắng nghe ý kiến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các buổi gặp trực tiếp, họp báo, đại hội cổ đông.

Khách hàng & Đối tác Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đầu tư với chu trình sản xuất khép kín, tạo ra chất lượng sản phẩm cao, đáp ứng được yêu cầu khách hàng

Nhân viên Trao đổi, cập nhật thông tin cho nhân viên qua email, điện thoại, họp trực tuyến. Nâng cao tinh đoàn kết của tập thể nhân viên bằng những buổi giao lưu, sinh nhật nhân viên, tiệc tất niên, tổ chức teambuilding. Mở các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề, chuyên môn cho CBNV

Cộng đồng xã hội Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho người dân bản địa. Tài trợ xây dựng cơ sở vật chất cơ bản như xây nhà, làm đường, xây dựng trường học... nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Thực hiện các chương trình từ thiện, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ lương thực cho người Thông qua việc đầu tư phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống xã hội của cộng đồng, làm tốt đẹp hơn mối quan hệ giữa các quốc gia nơi VG PIPE hoạt động đầu tư.

Nhà cung ứng : Nhà cung ứng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần xây dựng chuỗi giá trị vững mạnh của VG PIPE. Nắm giữ đầu vào của quy trình sản xuất, các đối tác VG PIPE lựa chọn cung cấp đều là những nhà thầu uy tín đáp ứng yêu cầu về chất lượng và đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc môi trường, cộng đồng.

Cơ quan truyền thông : Trao đổi và chia sẻ thông tin với cơ quan báo chí qua thông cáo báo chí, Họp báo, các chương trình VG PIPE tổ chức và Hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực VG PIPE đang hoạt động.

Volume Analysis

Báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018

Báo cáo BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 13/03/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên	
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên	
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc



Số: 300319.003 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature of Trương Thị Hoài Anh.

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Bảng cân đối

KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.013.168.552.111	1.377.183.218.343
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.624.757.586	15.626.474.222
111	1. Tiền		20.624.757.586	15.626.474.222
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		606.499.707.756	705.418.640.962
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	588.243.775.809	701.705.758.429
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	41.885.137.280	25.717.074.217
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.119.926.865	11.104.940.514
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32.749.132.198)	(33.109.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	9	378.328.855.208	633.725.801.923
141	1. Hàng tồn kho		378.328.855.208	633.725.801.923
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.715.231.561	22.412.301.236
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.094.896.082	56.493.314
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.620.335.479	22.355.807.922
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		406.890.995.567	351.805.481.396
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		110.340.864.277	70.000.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	67.607.630.640	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		-	70.000.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	42.733.233.637	-
220	II. Tài sản cố định		111.604.073.241	130.246.465.324
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	97.324.280.678	115.618.285.161
222	- Nguyên giá		401.486.592.205	395.777.815.426
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(304.162.311.527)	(280.159.530.265)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	14.279.792.563	14.628.180.163
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.042.697.266)	(3.694.309.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		55.243.213.246	27.488.727.414
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	55.243.213.246	27.488.727.414
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	99.892.192.159	99.060.043.297
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		99.892.192.159	99.060.043.297
260	VI. Tài sản dài hạn khác		29.810.652.644	25.010.245.361
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	29.810.652.644	25.010.245.361
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.420.059.547.678	1.728.988.699.739

Bảng cân đối
KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		793.264.801.574	1.139.874.550.440
310	I. Nợ ngắn hạn		790.773.489.324	1.133.564.746.190
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	281.692.486.265	298.653.787.201
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.062.760.125	454.639.156
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.686.683.792	4.804.422.711
314	4. Phải trả người lao động		10.786.799.282	10.233.099.014
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.739.823.912	3.687.627.214
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.320.028.407	900.957.038
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.097.194.633	941.820.417
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	461.959.949.055	787.097.657.786
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.427.763.853	26.790.735.653
330	II. Nợ dài hạn		2.491.312.250	6.309.804.250
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.491.312.250	2.332.012.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	3.977.792.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		626.794.746.104	589.114.149.299
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	626.794.746.104	589.114.149.299
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		35.789.986.640	33.581.863.310
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.661.628.693	4.737.650.313
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		139.441.378.920	104.875.207.236
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		104.875.207.236	49.431.141.062
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		34.566.171.684	55.444.066.174
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		69.265.152	86.941.741


Võ Thị Hồng Thắm
 Người lập


Nguyễn Thị Thúy
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
 Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Báo cáo Kết quả

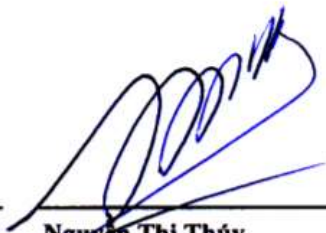
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	6.946.724.677.588	6.011.511.812.904
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	26.769.085.404	31.405.807.361
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.919.955.592.184	5.980.106.005.543
11	4. Giá vốn hàng bán	23	6.737.602.157.757	5.747.586.684.599
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		182.353.434.427	232.519.320.944
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.798.307.330	9.921.589.824
22	7. Chi phí tài chính	25	40.011.312.279	47.586.593.485
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		39.990.072.442	47.471.798.485
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		832.148.862	7.915.202.754
25	9. Chi phí bán hàng	26	66.371.271.109	78.361.574.803
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	32.397.815.432	40.547.655.195
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.203.491.799	83.860.290.039
31	12. Thu nhập khác	28	3.467.380.600	653.459.243
32	13. Chi phí khác	29	1.104.189.797	1.096.267.025
40	14. Lợi nhuận khác		2.363.190.803	(442.807.782)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.566.682.602	83.417.482.257
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	8.232.482.144	12.069.932.763
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		44.334.200.458	71.347.549.494
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		44.322.643.504	71.332.327.366
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		11.556.954	15.222.128



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		52.566.682.602	83.417.482.257
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.351.168.862	51.797.286.177
03	- Các khoản dự phòng		(360.000.000)	(240.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		461.393	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.953.699.554)	(17.627.339.180)
06	- Chi phí lãi vay		39.990.072.442	47.471.798.485
07	- Các khoản điều chỉnh khác		111.488.139	13.487.557
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		113.706.173.884	164.832.715.296
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.070.763.594	(48.603.201.389)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		255.396.946.715	(229.977.664.685)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.666.029.997)	(61.093.504.855)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.838.810.051)	(5.908.258.036)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(40.097.423.619)	(47.490.868.409)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.539.429.259)	(13.092.357.665)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.989.075.453)	(1.852.102.502)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		294.043.115.814	(243.185.242.245)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.645.122.196)	(7.493.498.025)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	34.000.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.616.464.947
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.724.328.470	10.235.476.991
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		40.079.206.274	46.358.443.913
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.953.390.440.164	5.122.407.792.254
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.282.505.940.895)	(4.864.498.181.576)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.076.600)	(56.609.242.823)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(329.123.577.331)	201.300.367.855

Báo cáo

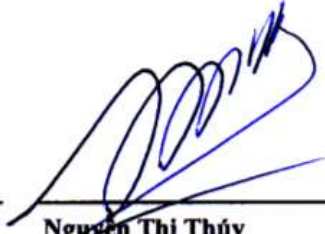
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.998.744.757	4.473.569.523
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.626.474.222	11.152.904.699
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(461.393)	-



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 13/03/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tù sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nh

Năm 2018 là một năm rất khó khăn đối với ngành thép giá nguyên liệu diễn biến liên tục nên việc nhập nguyên liệu để sản xuất rất khó dự đoán, đặc biệt từ tháng 7/2018 giá liên tục giảm sâu, giá nguyên liệu tôn cán nóng từ giá 630USD/tấn giảm xuống 470USD/tấn giảm 26%, trong khi đó thời gian giao hàng thường kéo dài từ khi ký hợp đồng đến lúc về khoảng 2 tháng nên khi giá xuống làm ảnh hưởng rất lớn đến kinh doanh của doanh nghiệp, thị trường trong nước nhu cầu chậm, cung lớn hơn cầu các nhà máy cạnh tranh nhau bằng cách hạ giá bán liên tục. Ngoài ra, từ tháng 9/2018 tỷ giá USD biến động tăng cao, lãi suất vay ngân hàng cũng đồng loạt tăng ... tất cả những vấn đề đó đã làm lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 sụt giảm mạnh so với năm 2017.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 là Công ty CP Thép Việt Đức. Công ty CP Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, tiền điện phục vụ sản xuất kinh doanh ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho văn phòng ... được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái. Các khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty con là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức đang trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư đối với hoạt động sản xuất theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp, cụ thể: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009). Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty mẹ và công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	815.604.486	160.190.466
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.809.153.100	15.466.283.756
	20.624.757.586	15.626.474.222

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2018			01/01/2018		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	99.892.192.159	28,60%	28,60%	99.060.043.297
			99.892.192.159			99.060.043.297

Công ty liên kết có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Phúc. Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm xem thuyết minh số 36.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	588.243.775.809	(32.749.132.198)	701.705.758.429	(33.109.132.198)
- Công ty CP XNK và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	89.728.631.015	-	249.567.870.666	-
- Công ty TNHH Thép Nam Châm	165.229.337.166	-	162.665.268.195	-
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	31.808.956.635	-	25.296.797.039	-
- Công ty Phúc Tiến (TNHH)	23.331.636.447	-	32.264.267.483	-
- Công ty CP thương mại và Vận Tải Việt Đức	47.588.223.070	-	42.194.013.699	-
- Công ty Cổ Phần Thương Mại HPM	65.723.933.880	-	-	-
- Phải thu các đối tượng khác	164.833.057.596	(32.749.132.198)	189.717.541.347	(33.109.132.198)
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	67.607.630.640	-	-	-
- Công ty CP XNK và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	67.607.630.640	-	-	-
	655.851.406.449	(32.749.132.198)	701.705.758.429	(33.109.132.198)
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	14.362.920.931	-	8.529.787.521	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Quang Minh	27.069.537.586	-	7.800.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT	3.861.626.214	-	456.373.523	-
Công Ty Liên Doanh TNHH Phát Triển Đô Thị Mới An Khánh	-	-	11.146.989.000	-
Trả trước cho người bán khác	10.953.973.480	-	6.313.711.694	-
	41.885.137.280	-	25.717.074.217	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	602.777.778	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	168.750	-
Tạm ứng	1.962.873.600	-	6.239.324.488	-
Ký cược, ký quỹ	6.862.780.000	-	3.363.000.000	-
Phải thu khác	294.273.265	-	899.669.498	-
	9.119.926.865	-	11.104.940.514	-
b) Dài hạn				
UBND Huyện Bình Xuyên (*)	187.300.000	-	-	-
Tiền đền bù Giải phóng mặt bằng (*)	42.545.933.637	-	-	-
	42.733.233.637	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	-	-	602.777.778	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

(*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (25ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị.

Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 10.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.626.128.448	-
	32.749.132.198	-	33.109.132.198	-

Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản nợ xấu nêu trên.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	12.888.286.800	-	42.840.071.950	-
Nguyên liệu, vật liệu	148.435.430.835	-	429.901.602.324	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.363.337.933	-	18.187.261.613	-
Thành phẩm	201.641.799.640	-	142.795.583.635	-
Hàng hoá	-	-	1.282.401	-
	378.328.855.208	-	633.725.801.923	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	33.372.078.621	27.488.727.414
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Văn Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City ⁽²⁾	23.431.836.894	18.914.181.960
- Trung tâm Thương mại Mê Linh	1.365.696.273	-
Mua sắm tài sản cố định	21.871.134.625	-
- Nhà Biệt Thự BT5 - Splendor ⁽³⁾	21.871.134.625	-
	55.243.213.246	27.488.727.414

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty CP Ống Thép Việt Đức VG - PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần.
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2018: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG Pipe;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 25ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp
- Tình trạng dự án: Dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng giai đoạn I.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn I với diện

(3): 02 căn biệt thự tại các lô BT5-270-C13, BT5-270-C14 tại khu đô thị mới Bắc An Khánh – Splendor

- + Chủ đầu tư/bên bán: Công ty Liên Doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh;
- + Sản phẩm bán giao: Biệt thự xây thô 03 tầng hoàn thiện mặt ngoài;
- + Tổng diện tích sàn của cả 02 căn biệt thự cùng là 337m²;
- + Giá trị hợp đồng mua căn biệt thự tại lô BT5-270-C13 là: 12.650.040.000 đồng;
Giá trị hợp đồng mua căn biệt thự tại lô BT5-270-C14 là: 12.514.890.000 đồng;
- + Mục đích đầu tư của Công ty: Đầu tư kinh doanh;
- + Tình trạng dự án: Đã nhận bàn giao công trình từ bên bán và tương ứng đã thanh toán 95% giá trị hợp đồng.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	129.881.524.772	235.264.719.532	29.032.996.404	1.598.574.718	395.777.815.426
- Mua trong năm	-	5.708.776.779	-	-	5.708.776.779
Số dư cuối năm	129.881.524.772	240.973.496.311	29.032.996.404	1.598.574.718	401.486.592.205
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.839.266.360	206.411.651.886	19.310.037.301	1.598.574.718	280.159.530.265
- Khấu hao trong năm	6.237.222.504	14.579.564.649	3.185.994.109	-	24.002.781.262
Số dư cuối năm	59.076.488.864	220.991.216.535	22.496.031.410	1.598.574.718	304.162.311.527
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	77.042.258.412	28.853.067.646	9.722.959.103	-	115.618.285.161
Tại ngày cuối năm	70.805.035.908	19.982.279.776	6.536.964.994	-	97.324.280.678

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.507.740.862 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 154.490.431.845 đồng.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Số dư cuối năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.590.884.666	103.425.000	3.694.309.666
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	3.939.272.266	103.425.000	4.042.697.266
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.628.180.163	-	14.628.180.163
Tại ngày cuối năm	14.279.792.563	-	14.279.792.563

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 103.425.000 đồng

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.657.099.264	-
Chi phí quảng cáo	1.124.000.000	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	947.796.818	56.493.314
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	366.000.000	-
	4.094.896.082	56.493.314
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.882.153.165	6.058.617.761
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	9.360.000.000	7.200.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.106.129.395	8.438.258.076
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.614.856.684	3.313.369.524
Chi phí quảng cáo	847.513.400	-
	29.810.652.644	25.010.245.361

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	80.115.089.510	80.115.089.510	-	-
Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	34.668.826.750	34.668.826.750	44.517.204.869	44.517.204.869
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	31.840.048.680	31.840.048.680	14.768.592.410	14.768.592.410
Công ty TNHH Nhất Trí Thành	-	-	30.716.532.000	30.716.532.000
Công ty TNHH Thép Nam Châm	65.534.511.800	65.534.511.800	68.889.904.337	68.889.904.337
Phải trả các đối tượng khác	69.534.009.525	69.534.009.525	139.761.553.585	139.761.553.585
	281.692.486.265	281.692.486.265	298.653.787.201	298.653.787.201
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	120.000.000	120.000.000	557.009.355	557.009.355
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>				

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	41.256.299	148.607.476
- Chi phí tiền điện	2.019.567.613	2.923.019.738
- Chi phí phải trả khác	679.000.000	616.000.000
	2.739.823.912	3.687.627.214

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	771.118.500	696.146.494
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	265.097.323	245.673.923
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.978.810	-
	1.097.194.633	941.820.417
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.491.312.250	2.332.012.250
	2.491.312.250	2.332.012.250
c) Phải trả khác là các bên liên quan	27.500.000	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>		

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	85.027.877.513	84.945.080.556	-	82.796.957
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	49.412.205	49.412.205	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.709.932.763	8.343.970.283	11.539.429.259	-	1.514.473.787
Thuế Thu nhập cá nhân	-	94.489.948	574.714.443	579.791.343	-	89.413.048
Thuế Tài nguyên	-	-	18.522.000	18.522.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	481.489.280	481.489.280	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	69.082.771	69.082.771	-	-
	-	4.804.422.711	94.572.068.495	97.689.807.414	-	1.686.683.792

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	781.695.545.936	781.695.545.936	4.953.390.440.164	5.273.126.037.045	461.959.949.055	461.959.949.055
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên ⁽¹⁾	543.403.882.213	543.403.882.213	2.947.582.369.050	3.180.320.096.150	310.666.155.113	310.666.155.113
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên ⁽²⁾	141.430.501.996	141.430.501.996	1.198.575.841.414	1.224.344.820.539	115.661.522.871	115.661.522.871
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽³⁾	47.360.380.071	47.360.380.071	379.221.891.000	390.950.000.000	35.632.271.071	35.632.271.071
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc	4.550.000.000	4.550.000.000	167.900.000.000	172.450.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	44.950.781.656	44.950.781.656	260.110.338.700	305.061.120.356	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	5.402.111.850	5.402.111.850	-	5.402.111.850	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	5.402.111.850	5.402.111.850	-	5.402.111.850	-	-
	787.097.657.786	787.097.657.786	4.953.390.440.164	5.278.528.148.895	461.959.949.055	461.959.949.055
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	9.379.903.850	9.379.903.850	-	9.379.903.850	-	-
	9.379.903.850	9.379.903.850	-	9.379.903.850	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.402.111.850)	(5.402.111.850)	-	(5.402.111.850)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	3.977.792.000	3.977.792.000	-	-	-	-

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên bao gồm 02 hợp đồng tín dụng

1.1 Hợp đồng tín dụng hạn mức /2018/1509578/HĐTD ngày 19 tháng 11 năm 2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 500 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC;
- + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/11/2019;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng khế ước vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 217.599.632.584 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

1.2 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1853346/HĐTD ngày 13/10/2017, hợp đồng tín dụng hạn mức sửa đổi số /2018/1853346/HĐTD ngày 19/11/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 400 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn của hạn mức: Từ ngày 19/11/2018 đến ngày 15/11/2019;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 93.066.522.529 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên bao gồm 02 hợp đồng tín dụng sau:

2.1 Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.65.0100/2018-HĐCVHM/NHCT262-ONG THEP VIET DUC ngày 23 tháng 08 năm 2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 20 tháng 07 năm 2019;
- + Lãi suất cho vay: Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 58.708.912.585 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

2.2 Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.01.0002/2018-HĐCVHM/NHCT262-THEP VIET DUC ngày 22/01/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hạn mức: Từ ngày 22/01/2018 đến hết ngày 31/01/2019;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 56.952.610.286 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HĐHM/2018/VPB-OTVĐ ngày 14/05/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC;
- + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	69.835.386.699	30.404.972.177	1.560.759.181	105.826.900.530	74.002.932	583.699.121.519
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	71.332.327.366	15.222.128	71.347.549.494
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(56.399.564.999)	-	(56.399.564.999)
Tạm phối lợi nhuận năm 2017	-	-	1.959.882.008	1.959.882.008	(9.799.410.038)	-	(5.879.646.022)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	1.217.009.125	1.217.009.124	(6.085.045.623)	(2.283.319)	(3.653.310.693)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	69.835.386.699	33.581.863.310	4.737.650.313	104.875.207.236	86.941.741	589.114.149.299
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	33.581.863.310	4.737.650.313	104.875.207.236	86.941.741	589.114.149.299
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	44.322.643.504	11.556.954	44.334.200.458
Tạm phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	1.284.144.950	-	(5.136.579.800)	-	(3.852.434.850)
Tạm phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	923.978.380	923.978.380	(4.619.892.020)	(29.233.543)	(2.801.168.803)
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	35.789.986.640	5.661.628.693	139.441.378.920	69.265.152	626.794.746.104

Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông bất thường số 03/2018/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 03 tháng 12 năm 2018, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 16/01/2019. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17/01/2019.

Căn cứ theo điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2018 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 1.284.144.950 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 không bao gồm cổ tức nhận được và các khoản chi phí không hợp lệ);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 3.852.434.850 đồng (tương ứng 15% lợi nhuận sau thuế năm 2018 không bao gồm cổ tức nhận được và các khoản chi phí không hợp lệ).

Phân phối lợi nhuận tại Công ty con

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018-NQĐHĐCĐ ngày 05/01/2018, Công ty chia cổ tức theo tỷ lệ 55% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến năm 2017.

Căn cứ theo điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2018 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 924.556.228 đồng;
- Trích Quỹ đầu khác thuộc Vốn chủ sở hữu số tiền: 924.556.228 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 2.773.668.804 đồng.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	7,60%	28.575.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Các cổ đông khác	86,12%	323.797.110.000	86,12%	323.797.110.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	56.399.565.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	56.399.565.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.789.986.640	33.581.863.310
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.661.628.693	4.737.650.313
	41.451.615.333	38.319.513.623

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để sử dụng với mục đích đặt văn phòng đại diện và kho hàng tại miền Nam từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2020, diện tích khu đất thuê là 2.803,5 m² và hợp đồng thuê đất tại Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích đặt văn phòng đại diện từ năm 01/07/2017 đến năm 31/12/2022, diện tích khu đất thuê là 2.975 m². Các khoản tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.240.000.000	3.240.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	6.120.000.000	9.360.000.000
	9.360.000.000	12.600.000.000

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.532,63	1.523,73

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.990.221.765.785	2.800.029.986.198
Doanh thu bán thành phẩm	3.942.275.188.735	3.200.532.276.177
Doanh thu bán bất động sản	5.569.773.527	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.657.949.541	10.949.550.529

6.946.724.677.588 6.011.511.812.904

Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

69.047.007.300 52.162.944.689

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	25.991.409.289	27.306.823.551
Hàng bán bị trả lại	281.783.348	3.620.301.380
Giảm giá hàng bán	495.892.767	478.682.430

26.769.085.404 31.405.807.361

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.957.266.183.777	2.722.773.171.143
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.771.346.207.134	2.963.139.825.565
Giá vốn của bất động sản đã bán	5.479.731.744	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.510.035.102	61.673.687.891

6.737.602.157.757 5.747.586.684.599

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.121.550.692	9.812.143.658
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.426.132.450	75.794.647
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	250.624.188	33.651.519

5.798.307.330 9.921.589.824

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.990.072.442	47.471.798.485
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	100.007.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.778.444	14.787.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	461.393	-
	40.011.312.279	47.586.593.485

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.077.325.683	2.418.521.638
Chi phí nhân công	13.930.338.084	13.135.344.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.801.190.436	3.330.676.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.210.342.364	56.049.013.597
Chi phí khác bằng tiền	2.352.074.542	3.428.017.989
	66.371.271.109	78.361.574.803

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.537.877.421	5.946.333.409
Chi phí nhân công	15.723.180.949	20.155.133.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.576.979.461	4.176.974.647
Thuế, phí, lệ phí	1.068.430.027	1.338.681.419
Hoàn nhập dự phòng	(360.000.000)	(240.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.369.011.109	6.436.200.513
Chi phí khác bằng tiền	3.482.336.465	2.734.332.197
	32.397.815.432	40.547.655.195

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền bồi thường bảo hiểm ⁽¹⁾	1.193.566.383	-
Tiền bồi thường hợp đồng ⁽²⁾	1.924.741.246	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	18.909.091
Tiền phạt thu được	19.996.000	613.464.900
Thu nhập từ giải thể VGID	313.033.000	-
Thu nhập khác	16.043.971	21.085.252
	3.467.380.600	653.459.243

(1): Đây là các khoản bồi thường được bảo hiểm chi trả đối với các tài sản được mua bảo hiểm bị hư

(2): Khoản thu phạt vi phạm hợp đồng mua tài sản cố định do nhà cung cấp không cung cấp đầy đủ dây chuyền thiết bị theo hợp đồng đã ký kết.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt và truy thu	251.385.532	-
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	504.219.996	1.008.440.004
Tiền thù lao HĐQT, BKS	348.000.000	84.000.000
Chi phí khác	584.269	3.827.021
	1.104.189.797	1.096.267.025

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	6.420.724.748	10.073.395.039
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Thép Việt Đức	1.811.757.396	1.996.537.724
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.232.482.144	12.069.932.763
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	111.488.139	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.709.932.763	5.732.357.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.539.429.259)	(13.092.357.665)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.514.473.787	4.709.932.763

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017 đã điều chỉnh
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	44.322.643.504	71.332.327.366
Điều chỉnh: Quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.841.731.003)	(9.530.673.395)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.480.912.501	61.801.653.971
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	37.599.710	37.599.710
Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	4.511.879	4.511.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	961	1.468

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu. (Xem thông tin tại thuyết minh số 35).

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.708.040.802.553	2.952.845.983.609
Chi phí nhân công	72.895.343.423	67.074.959.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.846.948.866	50.788.846.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.423.896.132	92.194.242.367
Chi phí khác bằng tiền	6.708.292.461	14.298.382.481
	3.936.915.283.435	3.177.202.414.085

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.624.757.586	-	15.626.474.222	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	707.704.566.951	(32.749.132.198)	712.810.698.943	(33.109.132.198)
Các khoản cho vay	-	-	70.000.000.000	-
	728.329.324.537	(32.749.132.198)	798.437.173.165	(33.109.132.198)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			461.959.949.055	791.075.449.786
Phải trả người bán, phải trả khác			285.280.993.148	301.927.619.868
Chi phí phải trả			2.739.823.912	3.687.627.214
			749.980.766.115	1.096.690.696.868

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.624.757.586	-	-	20.624.757.586
Phải thu khách hàng, phải thu khác	564.614.570.476	110.340.864.277	-	674.955.434.753
	585.239.328.062	110.340.864.277	-	695.580.192.339
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.626.474.222	-	-	15.626.474.222
Phải thu khách hàng, phải thu khác	679.701.566.745	-	-	679.701.566.745
Các khoản cho vay	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000
	695.328.040.967	70.000.000.000	-	765.328.040.967

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	461.959.949.055	-	-	461.959.949.055
Phải trả người bán, phải trả khác	282.789.680.898	2.491.312.250	-	285.280.993.148
Chi phí phải trả	2.739.823.912	-	-	2.739.823.912
	747.489.453.865	2.491.312.250	-	749.980.766.115
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	787.097.657.786	3.977.792.000	-	791.075.449.786
Phải trả người bán, phải trả khác	299.595.607.618	2.332.012.250	-	301.927.619.868
Chi phí phải trả	3.687.627.214	-	-	3.687.627.214
	1.090.380.892.618	6.309.804.250	-	1.096.690.696.868

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.953.390.440.164	5.122.407.792.254

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	5.282.505.940.895	4.864.498.181.576

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông bất thường số 03/2018/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 03 tháng 12 năm 2018, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 16/01/2019. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17/01/2019. Theo báo cáo kết quả phát hành để trả cổ tức ngày 28/01/2019, Công ty đã phân phối 4.511.879 cổ phiếu để trả cổ tức. Ngày 13/03/2019, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 09 với vốn điều lệ là 421.115.890.000 đồng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2019/NQHĐQT-VGP ngày 22 tháng 02 năm 2019, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức cho các đối tác, cá nhân có năng lực tài chính theo quy định của pháp luật. Ưu tiên chuyển nhượng cho các đối tượng, cá nhân có quan hệ hợp tác với Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức đồng thời có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép. Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 03 năm 2019.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		69.047.007.300	52.162.944.689
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	68.541.770.069	48.882.437.013
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	505.237.231	3.280.507.676
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		1.113.685.161	4.797.741.187
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	126.660.000	126.660.000
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	987.025.161	4.671.081.187
Lãi cho vay vốn		1.400.361.111	9.618.444.448
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.400.361.111	9.618.444.448

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		14.362.920.931	8.529.787.521
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	14.362.920.931	8.529.787.521
Phải thu về cho vay		-	70.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	70.000.000.000
Phải thu khác		-	602.777.778
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	602.777.778
Phải trả người bán ngắn hạn		120.000.000	557.009.355
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	120.000.000	557.009.355
Phải trả tiền cổ tức		27.500.000	-
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên HĐQT	13.750.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên HĐQT	13.750.000	-

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	168.000.000	413.000.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	749.500.000	916.300.000

Thuyết minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.468	1.644

Nguyên nhân:

- Điều chỉnh hồi tố do Công ty mẹ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2019 (xem chi tiết tại thuyết

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2019

